BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Sông Ba**.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400439955, đăng ký lần đầu ngày 24/07/2007, thay đổi lần thứ 7, ngày 07/01/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

- Vốn điều lệ: **604.882.610.000** đồng (***Sáu trăm lẻ bốn tỷ, tám trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm mười nghìn đồng***).

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **604.882.610.000** đồng (***Sáu trăm lẻ bốn tỷ, tám trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm mười nghìn đồng***).

- Địa chỉ: 230 Nguyễn Tri Phương – Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng.

- Số điện thoại: 0511.3653.592.

- Số Fax: 0511.3653.593.

- Website: www.songba.vn.

- Mã cổ phiếu: SBA, niêm yết tại Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quá trình hình thành và phát triển

*** Thành lập**

- Tiền thân Công ty Cổ phần Sông Ba là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba được thành lập ngày 02/01/2003 với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng theo hợp đồng liên doanh giữa Công ty Điện Lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (EVNCPC) thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)) và Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

- Ngày 21/01/2005, Công ty bổ sung điều chỉnh tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng.

- Ngày 29/05/2007 được chuyển đổi thành Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba gồm 07 thành viên với vốn điều lệ đăng ký là 500 tỷ đồng và Hội đồng thành viên đã ra nghị quyết góp vốn theo tiến độ phát triển của các dự án thủy điện của Công ty.

- Ngày 04/7/2007 chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Sông Ba với vốn điều lệ đăng ký là 500 tỷ đồng.

- Ngày 31/07/2007 là ngày kết thúc cho năm tài chính cuối cùng dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn.

- Ngày 01/08/2007 là ngày bắt đầu cho năm tài chính đầu tiên dưới hình thức công ty cổ phần. Cổ đông sáng lập là Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung).

- Công ty đã được Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400439955 (đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 07/01/2014).

*** Niêm yết**

- Ngày 01/06/2010, **45.000.000** cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sông Ba đã chính thức niêm yết tại SGDCK HCM với mã chứng khoán: **SBA**, giá chào sàn: 16.000 đồng/cổ phiếu.

- Ngày 29/9/2011, Công ty niêm yết bổ sung **5.000.000** cổ phiếu SBA tại SGDCK HCM, nâng tổng số cổ phiếu SBA niêm yết **50.000.000** cổ phiếu.

- Ngày 11/10/2013, Công ty niêm yết bổ sung **2.488.261** cổ phiếu SBA tại SGDCK HCM, nâng tổng số cổ phiếu SBA niêm yết **52.488.261** cổ phiếu.

- Ngày 13/11/2013, Công ty niêm yết bổ sung **8.000.000** cổ phiếu SBA tại SGDCK HCM, nâng tổng số cổ phiếu SBA niêm yết **60.488.261** cổ phiếu.

Những sự kiện nổi bật

* Năm 2003

Khởi công xây dựng Công trình thủy điện Khe Diên, tại tỉnh Quảng Nam, công suất 9MW, tổng vốn đầu tư 187 tỷ đồng.

* Năm 2005

- Khởi công xây dựng Công trình thuỷ điện Krông H'năng, tại 02 tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên, công suất 64MW, tổng vốn đầu tư 1.477 tỷ đồng.

- Tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng.

* Năm 2006

Ký kết hợp đồng tín dụng 109,8 tỷ đồng từ vốn vay ưu đãi của NHPT Việt Nam để đầu tư Công trình thủy điện Krông H'năng.

* Năm 2007

- Ngày 28/05/2007 : Vận hành thương mại Nhà máy thuỷ điện Khe Diên, công suất 9MW.

- Ngày 01/08/2007 : Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần.
- Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng.

*** Năm 2008**

- Ký kết hợp đồng vay bổ sung 683 tỷ đồng và 6,832 triệu USD từ vốn ưu đãi của NHPT Việt Nam để đầu tư Công trình thủy điện Krông H'năng.

- Được Quacert cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn 9001 :2000.

*** Năm 2009**

- Hoàn thành cơ bản các hạng mục chính của Công trình thủy điện Krông H'năng, chuẩn bị hoàn thành công tác lắp đặt thiết bị, sẵng sàng cho công tác phát điện các tổ máy.
- Hoàn thành công tác nút cống dẫn dòng, tích nước để phát điện nhà máy.

- Chuyển đổi thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn 9001 :2008.

*** Năm 2010**

- Ngày 1/6/2010 : Niêm yết chính thức cổ phiếu SBA tại SGDCK HCM.
- Ngày 25/06/2010: Vận hành thương mại tổ máy đầu tiên - Nhà máy thuỷ điện Krông H'năng.
- Ngày 12/09/2010: Vận hành thương mại Nhà máy thuỷ điện Krông H'năng, công suất 64MW.

*** Giai đoạn năm 2011 - 2013**

- Ngày 01/06/2011: Chuyển đổi Hợp đồng mua bán điện của Nhà máy thủy điện Khe Diên sang áp dụng biểu giá chi phí tránh được.

- Từ ngày 01/01/2011, chuyển đổi Hợp đồng mua bán điện Nhà máy thủy điện Krông H'năng sang áp dụng biểu giá theo mùa. Từ ngày 01/01/2013 được EVN điều chỉnh tăng giá bán điện của Nhà máy.

*** Các danh hiệu cao quý**

Năm	Danh hiệu	Quyết định trao tặng của
2008	Huân chương lao động hạng Ba	Chủ tịch nước
2008	Bằng khen của Bộ Công thương	Bộ trưởng Bộ Công thương
2010	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Thủ tướng Chính phủ
2011	Huân chương lao động hạng Ba, trao tặng cho Ông Phạm Phong – Tổng giám đốc Công ty	Chủ tịch nước
2012	Huân chương lao động hạng Nhì	Chủ tịch nước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
HẠNG Nhì
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2007 đến năm 2011, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Trương Tấn Sang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
HẠNG Ba
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA
Thành phố Đà Nẵng

Đã có thành tích xuất sắc trong đầu tư, thi công xây dựng công trình Thuỷ điện Khe Diên, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Nguyễn Minh Triết

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh điện năng; Tư vấn và Kiểm định an toàn Đập; Giám sát, lắp đặt thiết bị Nhà máy thủy điện; Đào tạo nghề: quản lý, vận hành Nhà máy thủy điện;…
- Địa bàn sản xuất, kinh doanh: Lãnh thổ Việt Nam.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

* Mô hình quản trị

- Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty:

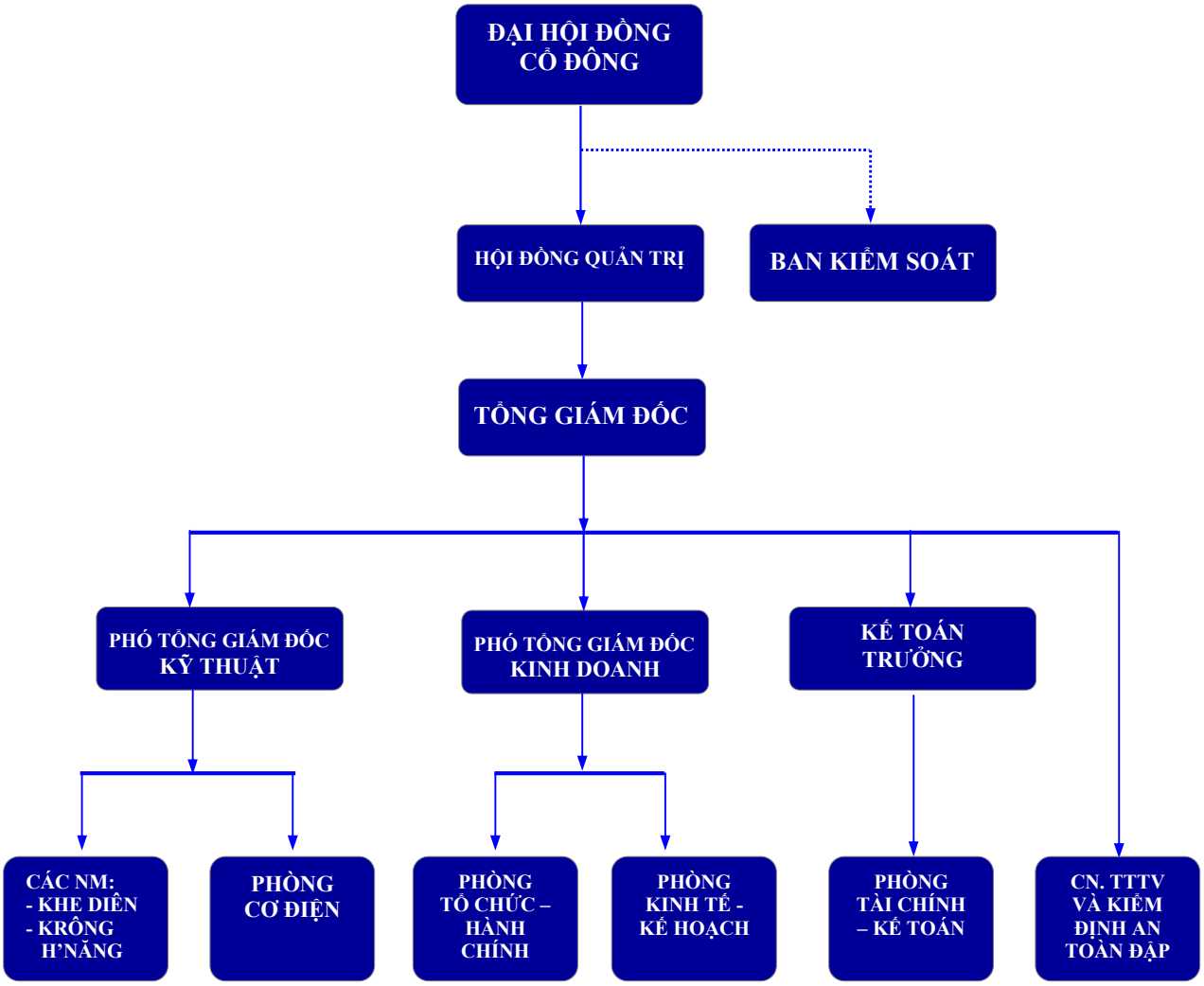

* Cơ cấu tổ chức

- Công ty Cổ phần Sông Ba được tổ chức và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

- Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

+ Đại hội đồng cổ đông;

+ Hội đồng quản trị;

+ Ban kiểm soát

+ Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc ;

+ Chi nhánh Nhà máy thủy điện;

+ Chi nhánh Trung tâm TV và Kiểm định an toàn Đập;

+ Các phòng nghiệp vụ chức năng, bao gồm : Phòng Tài chính – Kế toán ; Phòng Kinh tế - Kế hoạch ; Phòng Tổ chức – Hành chính ; Phòng Cơ Điện.

a. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.Đại hội đồng cổ đông thường niên phải họp trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b. Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không quá bảy (07) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là bốn (04) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá bốn (04) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành Công ty phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

- Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

- Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

c. Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát có ba (03) thành viên do cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn, trong đó có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là bốn (04) năm; thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ không quá bốn (04) năm.

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

d. Tổng Giám đốc điều hành

- Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc điều hành với điều kiện người đó tại thời điểm bổ nhiệm không là Tổng Giám đốc điều hành của doanh nghiệp khác, không bị cản trở bởi các quy

định của pháp luật khác liên quan vấn đề bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. hiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là bốn (04) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm.

- Tổng Giám đốc điều hành thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

e. Chi nhánh Nhà máy thủy điện: Có nhiệm vụ sản xuất điện năng, hạch toán phụ thuộc Công ty;

f. Chi nhánh Trung tâm tư vấn và Kiểm định an toàn Đập: Có nhiệm vụ kiểm soát các hạng mục công trình Nhà máy thủy điện, thực hiện các dịch vụ tư vấn cho đối tác bên ngoài, đặc biệt tư vấn kiểm định an toàn Đập, hạch toán phụ thuộc Công ty;

d. Các Phòng nghiệp vụ: Phòng Kinh tế - Kế hoạch; Phòng Tài chính – Kế toán; Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Cơ điện.

5. Định hướng phát triển

5.1. Quản lý, vận hành sản xuất các nhà máy đạt hiệu quả. Hoàn thiện các công tác, giải pháp để tăng sản lượng điện, doanh thu:

- Xây dựng quy trình vận hành tối ưu điều tiết hồ chứa. Vận hành xả lũ tốt, không ảnh hưởng đối với đồng bào vùng hạ du;

- Nghiên cứu các giải pháp để tăng dung tích hồ chứa đối với nhà máy thủy điện Khe Diên;

- Vận hành tốt Nhà máy khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, nâng cao tối đa doanh thu.

5.2. Phát triển dịch vụ tư vấn

- Tiếp tục triển khai theo yêu cầu của các Chủ đầu tư đối với các dự án mà Công ty đang thực hiện;

- Phát triển dịch vụ: Tư vấn kiểm định an toàn Đập; Sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy thuỷ điện; Tư vấn đào tạo nghề (quản lý, vận hành NMTĐ), giám sát thi công, lắp đặt thiết bị, .. và tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới.

5.3. Đầu tư xây dựng các dự án

- Dự án thuỷ điện Krông H'năng 2: Nghiên cứu phương án đâu tư tối ưu và trình ĐHCĐ thông qua phương án đầu tư.

5.4. Chiến lược "Khách hàng – Người lao động – Cổ đông và nhà đầu tư"

- **Khách hàng:** Đây chính là trách nhiệm đối với sự phát triển của đất nước nói chung và ngành điện nói riêng. Đồng thời xem lợi ích của các chủ đầu tư là lợi ích của SBA (tiết kiệm – hiệu quả – đúng tiến độ).

- **Người lao động:** Thông qua những việc làm thiết thực để nâng cao thu nhập đối với người lao động và gia đình của người lao động. Thu hút, sàng lọc để trong ngôi nhà SBA là những người có tài năng, trí tuệ, tâm huyết, kinh nghiệm và lòng trung thành nhằm đưa công ty phát triển hiệu quả, bền vững, mang đậm nét văn hóa doanh nghiệp riêng của SBA.

- **Cổ đông và nhà đầu tư**: Đây chính là chiếc cầu nối giữa SBA và các đối tác chiến lược. Lợi ích của Cổ đông và nhà đầu tư chính là đòn bẩy để SBA phải luôn nỗ lực, phấn đấu để mang lại hiệu quả cao nhất, đảm bảo hài hòa giữa Công ty, người lao động và cổ đông.

Điều này sẽ đảm bảo mang lại lợi ích cho Cộng đồng – Cổ đông – CBCNV.

6. Các rủi ro

6.1 Rủi ro về kinh tế

Năng lượng điện là một yếu tố đầu vào quan trọng của nền kinh tế. Sự phát triển hay suy thoái của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu năng lượng. Tuy nhiên đối với

nền kinh tế mới nổi như Việt Nam, sau nhiều năm thiếu hụt đầu tư phát triển điện năng, sức cầu luôn vượt sức cung ngay cả trong hoàn cảnh suy thoái kinh tế hiện nay.

Kinh tế vĩ mô năm 2013 đã từng bước ổn định. Tăng trưởng và sản xuất đã có sự chuyển biến tích cực đi lên về cuối năm. Tuy nhiên, tăng trưởng vẫn còn ở mức thấp, cân đối ngân sách còn nhiều thách thức và các doanh nghiệp vẫn chưa thực sự thoát khỏi khó khăn là những vấn đề tiếp tục đặt ra cho năm 2014 và những năm tiếp theo.

Tuy nhiên, mức tiêu thụ điện năng không những không giảm mà còn có dấu hiệu tăng cao như dự báo và giá điện ngày càng có xu hướng tăng, phù hợp với quy luật kinh tế thị trường. Đặc điểm này có lẽ sẽ tiếp tục được duy trì trong khoảng 10 năm tới. Vì vậy, sự ảnh hưởng kinh tế đối với thị trường đầu ra của điện năng do SBA sản xuất là không đáng kể.

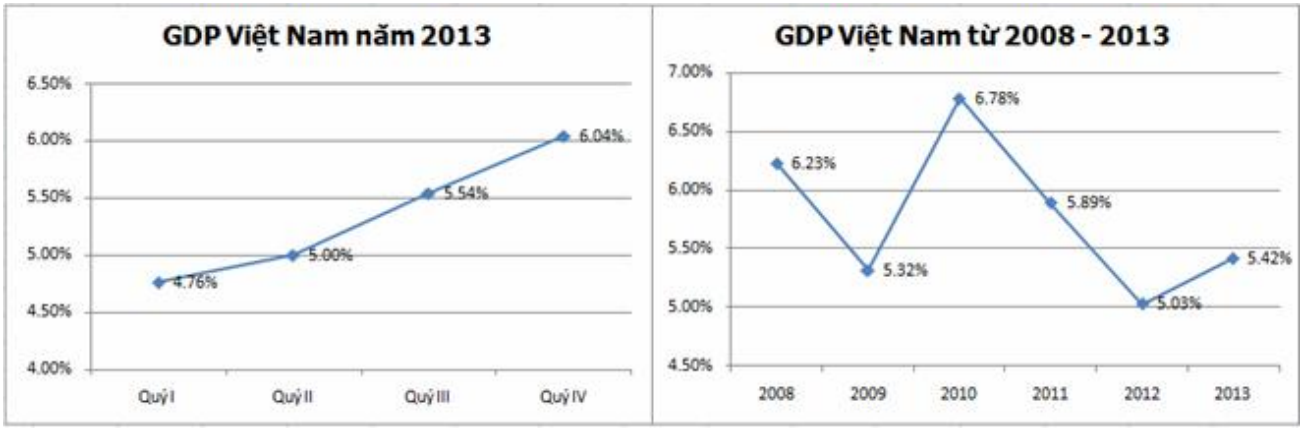

6.2 Rủi ro về luật pháp, giá điện

Ngày 21/7/2011, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Tổng Sơ đồ VII - quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030. Rõ ràng, để thực hiện một quy hoạch quá lớn với nhu cầu vốn lên tới 5 tỷ USD/năm, ngoài các giải pháp đổi mới tổ chức quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động điện lực, tạo cơ chế huy động vốn đầu tư phát triển, thì cần phải tăng giá điện bù đắp chi phí vốn và tái đầu tư cho ngành điện. Bên cạnh đó, cần phải tăng giá mua điện đầu vào để thu hút các nguồn vốn đầu tư bên ngoài ngành (vì giá điện hiện nay của Việt Nam rất thấp so với khu vực và trên thế giới). Theo lộ trình tới năm 2020, giá điện Việt Nam sẽ đạt 8 ÷ 9 UScents/kWh.

Trong năm 2013, SBA đã đàm phán với EVN, Cục Điều tiết điện lực để tăng giá bán điện cho Nhà máy thủy điện Krông H'năng, nhờ đó, doanh thu năm 2013 tăng đang kể so với các năm trước đó và được duy trì cho những năm tiếp theo. Đối với Nhà máy thủy điện Khe Diên, giá bán điện áp dụng theo biểu giá chí phí tránh được của Cục Điều tiết điện lực ban hành hàng năm và đang có xu hướng tăng, mang lại hiệu quả cho Công ty.

6.3 Rủi ro lãi suất

Lãi suất chạm đáy sau 5 lần điều chỉnh trong năm 2013 và một loạt các điều chỉnh đáng chú ý trong năm 2013, trần lãi suất huy động cao nhất đối với các kỳ hạn huy động dưới 6 tháng hiện được NHNN đưa về xuống 7%/năm cùng lúc với việc bỏ trần lãi suất ở

các kỳ hạn 6 tháng trở lên. NHNN đồng thời cũng giảm 2% đối với một loạt các mức lãi suất điều hành như lãi suất tái cấp vốn xuống còn 7%/năm và lãi suất tái chiết khấu xuống 5%/năm.

Dù không có nhiều điều chỉnh như năm 2012, mặt bằng lãi suất trong năm qua vẫn duy trì xu hướng giảm rõ rệt và nhờ đó trên thị trường cho vay, lãi suất cho vay cũng giảm mạnh tới 3-5% xuống 7-10,5%/năm cho các kỳ hạn ngắn và 11-13%/năm cho các kỳ hạn dài.

Đối với mặt bằng lãi suất cho vay, nhiều khả năng Chính phủ sẽ tiếp tục duy trì mặt bằng lãi suất thấp nhằm hỗ trợ sự phục hồi của nền kinh tế và giúp các DN bớt khó khăn.

LÃI SUẤT HUY ĐỘNG NĂM 2013 (%)

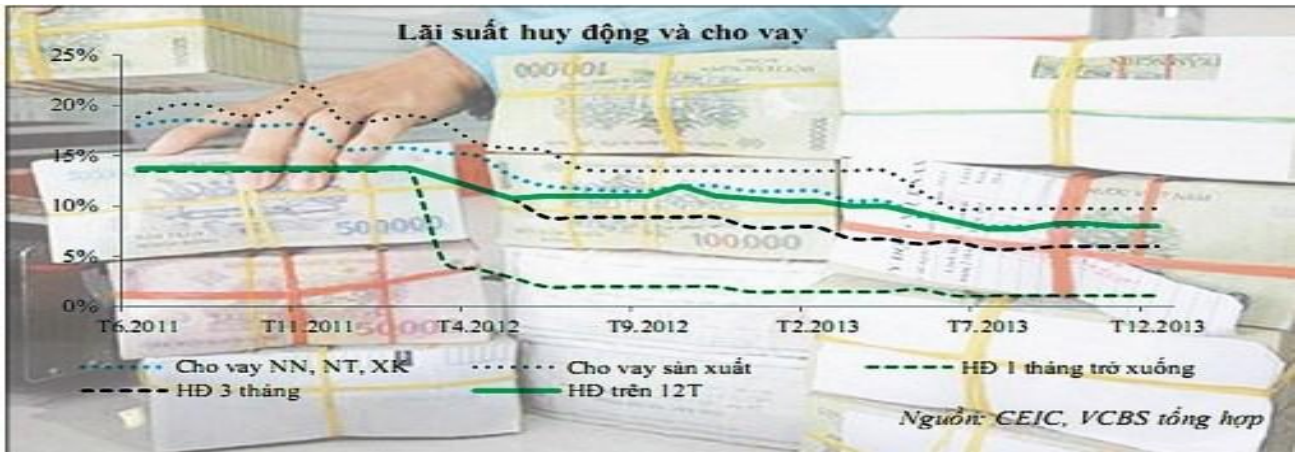

Đối với SBA, đã ký được toàn bộ các hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) với mức lãi suất cố định, ưu đãi từ 6,9% - 8,4%/năm cho công trình thủy điện Krông H'năng, tổng số vốn đã giải ngân là 792,8 tỷ đồng và 6.832.298 USD. Và Công trình thủy điện Khe Diên với nguồn vốn vay từ ngân hàng VCB với lãi suất thả nổi, đã được Ngân hàng phát triển Việt Nam hỗ trợ sau đầu tư với lãi suất 3,9%/năm (lãi suất cố định) cho suốt thời gian vay (số tiền hỗ trợ sau đầu tư trên 20 tỷ đồng). Do đó, dao động lãi suất không ảnh hưởng nhiều đến Công ty, hiệu quả hoạt động của các nhà máy do SBA đầu tư rất cao.

6.4 Rủi ro về tỷ giá USD/VND

Một trong những rủi ro nữa của các dự án về sản xuất điện đó là biến động tỷ giá (đối với dự án có tài trợ bằng ngoại tệ).

Bên cạnh lạm phát được kiểm soát, thị trường ngoại hối ổn định trong suốt năm 2013 là một trong những yếu tố tích cực của nền kinh tế. Nhờ các biện pháp kiểm soát thị trường được NHNN thực hiện nhất quán từ cuối năm 2011 đến hết năm 2013.

Đối với Công ty Cổ phần Sông Ba, giá trị vay bằng ngoại tệ để đầu tư máy móc thiết bị là 6,832 triệu USD cho công trình thủy điện Krông H'năng, số dư còn lại 4,175 triệu USD, phần vay ngoại tệ cho công trình thủy điện Khe Diên đã trả xong.

6.5 Rủi ro đặc thù ngành sản xuất kinh doanh thủy điện

Điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Sản lượng và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn nước.

Tuy vậy, khi xác lập thông số thủy văn, Công ty đã chọn phương án thiên về an toàn sản lượng điện hàng năm.

Công ty luôn theo dõi và nắm vững những dự báo khí hậu và thuỷ văn để có những phương án dự phòng vận hành điều tiết hồ theo phương án tối ưu nhất. Công ty đã nghiên cứu dòng thủy văn nhiều năm, từ đó tính ra dòng tiền thực để cân đối hợp lý nhất quá trình vận hành dòng tiền.

Ngoài ra, Công ty cũng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đê đập, đường dây truyền tải điện của

nhà máy và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái. Công ty đã vận hành đạt hiệu của cao trong công tác PCLB trong những năm qua, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và đồng bào vùng hạ du.

6.6 Nhận định chung về các nhân tố rủi ro

- Theo nhận định chung thì trong khoảng 10 năm đến, sự ảnh hưởng kinh tế Việt Nam đối với thị trường đầu ra của điện năng là không đáng kể vì ngành điện là mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng quốc gia. Chính phủ khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực điện năng bằng các chính sách ưu đãi về thuế và vốn vay. Vì vậy, các rủi ro về kinh tế, pháp luật sẽ theo chiều hướng có lợi cho Công ty.

- Đối với giá bán điện: Hiện nay giá bán điện bình quân của nhà máy thủy điện Khe Diên trên 900 đồng/KWh (9MW) và dự báo sẽ được điều chỉnh theo xu hướng tăng hàng năm. Đối với Nhà máy thủy điện Krông H'năng (64 MW) đã đàm phán, được EVN ký hợp đồng điều chỉnh tăng giá bán điện cho Nhà máy và ***đảm bảo được mức lợi nhuận hợp lý***.

- Đối với lãi suất, sự dao động lãi suất sẽ ảnh hưởng không nhiều đến lợi nhuận vì Công ty đã được vay vốn với lãi suất cố định, ưu đãi và được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư. ***Đây là yếu tố rất quan trọng.***

- Đối với tỷ giá USD/VND: Sẽ ảnh hưởng không lớn, giá trị vay bằng ngoại tệ để đầu tư máy móc thiết bị cho thủy điện Krông H'năng còn lại 4,175 triệu USD. Phần vay ngoại tệ cho công trình thủy điện Khe Diên đã trả xong. Dự báo năm 2014, thị trường ngoại hối sẽ được kiểm soát và ổn định.

- Đối với đặc thù ngành sản xuất kinh doanh thủy điện: Công ty đã nghiên cứu dòng thủy văn nhiều năm, từ đó tính ra dòng tiền thực để cân đối hợp lý nhất quá trình vận hành đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

II. Tình hình hoạt động của SBA trong năm 2013

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh Th/Kh (%)
1	**Sản lượng điện**	(Tr.kWh)	**216,50**	**198,39**	**91,64**
	NM Khe Diên		36,50	31,49	86,27
	NM Krông H'năng		180,00	166,90	92,72
2	**Tổng doanh thu**	(tỷ đồng)	**209,00**	**222,79**	**106,60**
	Doanh thu sản xuất điện		209,00	221,89	

	Doanh thu khác			0,90	
3	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	(tỷ đồng)	**50,51**	**66,56**	**131,77**
4	**Lãi cơ bản/cổ phiếu**	(đ/CP)	**717**	**1.247**	**173,92**

Việc giá bán điện của NMTĐ Krông H'năng điều chỉnh tăng và vận hành tốt theo VCGM đã giúp công ty có được kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2013. Doanh thu đạt 222,79 tỷ đồng trên kế hoạch là 209,0 tỷ đồng, hoàn thành vượt 106,60%. Lợi nhuận sau thuế đạt 66,56 tỷ đồng, tăng hơn 3,6 lần so với cùng kỳ và là kết quả kinh doanh tốt nhất từ trước đến nay. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu đạt 10,59%, tăng 3,1 lần so với năm 2012. Bên cạnh đó, Chi phí lãi vay giảm 11% so với cùng kỳ năm góp phần làm gia tăng lợi nhuận năm nay.

2. Tổ chức và nhân sự

a. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm 2013

Ông Phạm Phong	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/09/2007
Ông Đặng Ngọc Chương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2007
	(Miễn nhiệm từ ngày 01/04/2013)	
Ông Vũ Ngọc Bàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/07/2009
	(Miễn nhiệm từ ngày 27/07/2013)	
Ông Phạm Thái Hùng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15/01/2010

❖ *Ông* Phạm Phong – Tổng Giám đốc

- Số CMND: 200186849; Ngày cấp: 02/03/2010; Nơi cấp: CA Đà Nẵng.
- Ngày sinh: 22/05/1958; Quê quán: Thừa Thiên – Huế.
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: 42 Thái Phiên – TP. Đà Nẵng.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện - chuyên ngành Hệ thống điện; Thạc sỹ, kỹ sư cơ khí - chuyên ngành Chế tạo máy.
- Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác:

- Từ 1981 - 1994, Điện lực Quảng Nam Đà Nẵng. Chức vụ: Cán bộ Kỹ thuật.
- Từ 1994 - 1997, Điện lực Quảng Nam Đà Nẵng. Chức vụ: Quản đốc, Phân xưởng cơ điện.
- Từ 1997 - 2001, Điện lực Quảng Nam. Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư.

- Từ 2001 – 2002, Trung tâm thiết kế điện - Công ty Điện lực 3 Đà Nẵng. Chức vụ: Phó Giám đốc.
- Từ 2003 đến nay, Công ty Cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Ủy viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc.

- Số cổ phần nắm giữ: 4.782.175 cổ phần

Trong đó: Sở hữu cá nhân: 312.175 cổ phần;
Đại diện cho EVN CPC: 4.470.000 cổ phần.

- Số Cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.
- Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có.
- Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

❖ *Ông **Đặng Ngọc Chương** - Phó Tổng Giám đốc* (*Quyết định miễn nhiệm kể từ ngày 01/04/2013 do chuyển công tác*).

❖ *Ông **Vũ Ngọc Bàng** - Phó Tổng Giám đốc* (*Quyết định miễn nhiệm kể từ ngày 27/07/2013 do nghỉ hưu*).

❖ *Ông* **Phạm Thái Hùng** - Kế toán Trưởng

- Số CMND: 194160262; Ngày cấp: 26/5/2004; Nơi cấp: CA Quảng Bình;
- Ngày sinh: 25/09/1979; Quê quán: Quảng Bình;
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
- Địa chỉ thường trú: 150 Nguyễn Hiền, Sơn Trà, Đà Nẵng;
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế - Chuyên ngành Kế toán;
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

- Từ 2003 – 2004, Công ty TNHH Mỹ Anh, Quảng Bình. Chức vụ: Kế toán trưởng
- Từ 2004 – 2007, Công ty CP Bông vải Miền Trung, Quảng Nam. Chức vụ: Kế toán tổng hợp.
- Từ 2007 – tháng 06/2009, Công ty CP Bông vải Miền Trung, Quảng Nam. Chức vụ: Kế toán trưởng.
- Từ tháng 07/2009 – tháng 08/2009, Công ty CP Sông Ba. Chức vụ: Phó phòng Tài chính.
- Từ tháng 09/2009 – tháng 12/2009, Công ty CP Sông Ba. Chức vụ: Phụ trách Phòng Tài chính.

- Từ tháng 01/2010 đến nay, Công ty CP Sông Ba. Chức vụ: Kế toán Trưởng.

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện sở hữu: Không có

- Số Cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có
- Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có

b. Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm 2013 là 84 người, trong đó cán bộ quản lý là 8 người.

- Chính sách đối với người lao động

- Công ty luôn có cam kết và đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động như: trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn. Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ xét nâng lương định kỳ theo quy chế lương cho cán bộ công nhân viên của Công ty.
- Công ty luôn quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được bồi dưỡng, học tập nâng cao kiến thức về trình độ chuyên môn bằng cách thức phù hợp như đào tạo tại chỗ, gửi đi các khóa đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn trong và ngoài nước; tạo điều kiện cho các cán bộ kỹ thuật thâm nhập thực tế ở các dự án

thủy điện đang triển khai, tại Nhà máy Thủy điện của Công ty nhằm tích lũy và nâng cao trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc.

- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng và kịp thời đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.
- Công tác bảo hộ an toàn lao động, phòng chống cháy nổ trong Nhà máy, Công trường xây dựng cũng được Công ty quan tâm đúng mức. Công ty đã ban hành hệ thống các qui định về an toàn lao động, tổ chức huấn luyện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cho công nhân viên; tổ chức kiểm tra định kỳ về an toàn của các thiết bị máy móc, các công trình thủy công.
- Công ty luôn chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên giúp người lao động yên tâm công tác: Cho vay không lãi để hỗ trợ CBCNV ở xa có nhu cầu làm nhà định cư tại nơi công tác, thăm hỏi động viên người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, tặng quà các ngày lễ tết, đảm bảo an ninh trật tự ...

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Trong năm 2013, Công ty chưa tiếp tục triển khai đầu tư các dự án thủy điện Krông H'năng 2. Trong thời gian đến, khi đảm bảo đủ điều kiện, Công ty tiếp tục triển khai các dự án trên.

Dự án thủy điện Krông H'năng 2 (15 MW)

Krông H'Năng 2, cách 7 km về phía hạ du Krông H'Năng

- Công trình thủy điện Krông H'Năng 2 nằm cách Krông H'Năng 1 khoảng 7km về hướng hạ du.
- Đang hoàn tất các thủ tục pháp lý.
- Khi hoàn thành, sẽ cung cấp sản lượng điện khoảng 56 triệu kWh/năm.

4. Tình hình tài chính

a. Thông số chủ yếu

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013	(%) tăng (+) giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	1.472.386.443.388	1.521.013.604.541	3
Doanh thu thuần	168.733.021.314	222.149.308.401	32

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20.130.824.433	67.873.118.211	237
Lợi nhuận khác	(25.949.716)	(217.595.792)	(739)
Lợi nhuận trước thuế	20.104.874.717	67.655.522.419	237%
Lợi nhuận sau thuế	18.675.007.378	67.556.008.831	262%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	375	1.247	233%

b. Các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
1	**Chỉ tiêu khả năng thanh toán (lần)**		
+	Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-TK)/Nợ NH	0,14	0,68
+	Hệ số thanh toán NH (TSNH)/Nợ NH	0,14	0,67
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**		
+	Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn (lần)	0,64	0,55
+	Nợ phải trả/Vốn CSH (lần)	1,74	1,23
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**		
+	Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTKBQ)	68,10	77,75
+	Doanh thu thuần/Tổng TS	0,11	0,15
4	**Chỉ tiêu hiệu quả tài chính**		
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,11	0,30
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	0,03	0,10
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng TS (ROA)	0,01	0,04
+	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,12	0,31

- Về khả năng thanh toán

Tại thời điểm 31/12/2013, hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán ngắn hạn đều nằm ở mức 0,68. Cho thấy, Công ty đã cải thiện tăng đáng kể so với năm 2012. Tuy nhiên, Công ty cần phải có giải pháp tài chính dài hạn hiệu quả để mang các hệ số này trở về 1,00.

- Về cơ cấu vốn

Hệ số nợ trên tổng nguồn vốn (TNV) khoảng 0,55 lần, cho thấy đòn cân nợ của Công ty đang sử dụng ở mức thấp so với trung bình ngành (0,65 - 0,7).

- Về khả năng sinh lời

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (DTT) năm 2013 đạt 0,3 lần (đang cao so với trung bình ngành ở khoảng 0,2 lần).

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/VCSH (ROA) trong năm đạt 0,10 lần. Đây là năm đạt cao nhất từ khi Công ty đi vào hoạt động.

- Cân bằng tài chính đã có những thay đổi tích cực

Vốn lưu động ròng từ âm 230 tỷ đồng năm 2012 giảm xuống chỉ còn âm 45 tỷ đồng trong năm 2013. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, tỷ suất nợ trên tổng tài sản cũng có những cải thiện đáng kể. Được VDB cơ cấu lại nợ vay, phát hành thành công 80 tỷ đồng cổ phiếu cho cổ đông sáng lập EVNCPC cộng với doanh thu vượt kế hoạch là những nhân tố quyết định đóng góp cho sự ổn định về mặt tài chính của công ty trong thời gian qua.

Biểu đồ: Tỷ suất nợ và khả năng thanh toán qua các năm

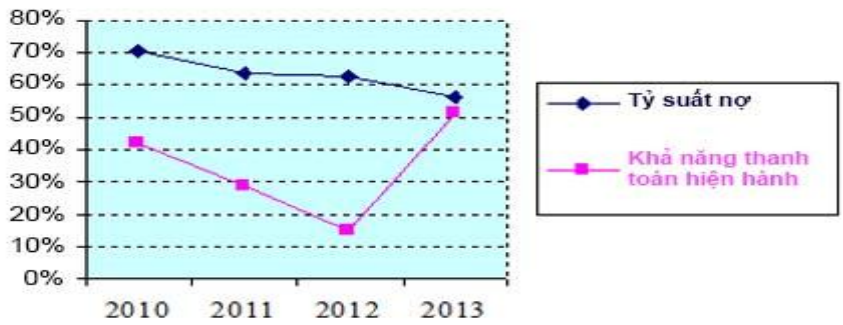

Cân bằng tài chính có những thay đổi tích cực là điều kiện thuận lợi để Công ty có thể nghĩ đến những kế hoạch dài hơi hơn, tiếp tục triển khai những dự án mới, mang lại hiệu quả tốt hơn.

Vốn lưu động ròng hiện vẫn còn âm hơn 45 tỷ đồng (chủ yếu do nợ dài hạn chuyển sang ngắn hạn), để đảm bảo sự ổn định của dòng tiền trong tương lai, Công ty hiện đang đàm phán với ngân hàng cơ cấu lại nguồn vốn, gia tăng nguồn vốn thường xuyên, đưa vốn lưu động ròng về mức hợp lý.

Biểu đồ: Vốn lưu động ròng qua các năm

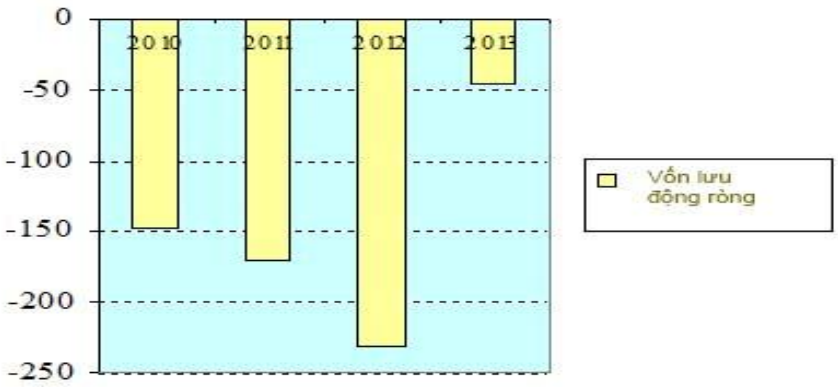

- Các chỉ tiêu đánh giá khả năng sinh lời mang lại niềm hy vọng mới

Việc giá bán điện của NMTĐ Krông H'năng điều chỉnh tăng đã giúp công ty có được kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2013. Lợi nhuận sau thuế đạt 66,56 tỷ đồng, tăng hơn 3,6 lần so với cùng kỳ và là kết quả kinh doanh tốt nhất từ trước đến nay. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu đạt 10,59%, tăng 3,1 lần so với năm 2012. Kết quả này hết sức khả quan khi tình hình kinh tế khó khăn và lãi suất tiền gửi tiết kiệm dài hạn chỉ khoảng 8% như hiện nay.

Biểu đồ: Doanh thu - Lợi nhuận

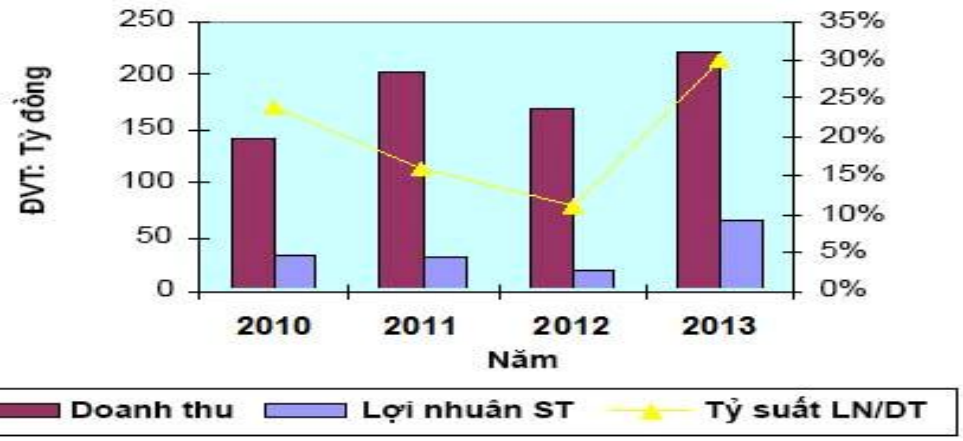

Bên cạnh đó, cơ cấu chi phí công ty cũng có những sự chuyển biến tích cực. Chi phí lãi vay giảm 11%, giá vốn hàng bán tăng 9% so với cùng kỳ năm ngoái trong khi doanh thu tăng đến 32%.

Chi phí lãi vay chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí của công ty và có xu hướng giảm mạnh trong tương lai. Số liệu dự báo khí tượng thủy văn cũng cho thấy, lượng nước về hồ trong những năm đến là khá tốt, doanh thu sẽ có những bước tăng trưởng vượt bậc hơn, hứa hẹn lợi nhuận trong những năm tiếp theo sẽ cải thiện đáng kể.

Biểu đồ: ROA, ROE qua các năm

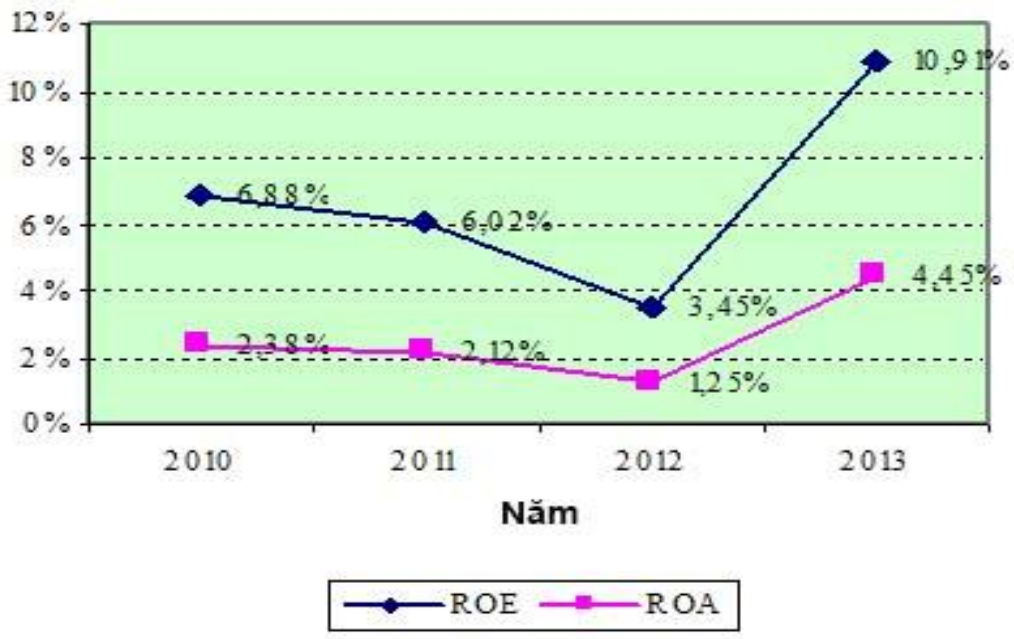

- Đòn bẩy tài chính - tác động tích cực

Đòn bẩy tài chính phát sinh khi công ty vay nợ cao trong cơ cấu nguồn vốn, nó có tác dụng khuyếch đại sự thay đổi của lợi nhuận cơ bản trên mỗi cổ phiếu khi lợi nhuận trước thuế và lãi vay thay đổi. Năm 2012, lợi nhuận trước thuế và lãi vay giảm 11,79% so với năm 2011 thì EPS giảm 42,35%. Ngược lại, năm 2013 lợi nhuận trước thuế và lãi vay chỉ tăng 42,71% so với năm 2012 thì EPS đã tăng đến 236,6%.

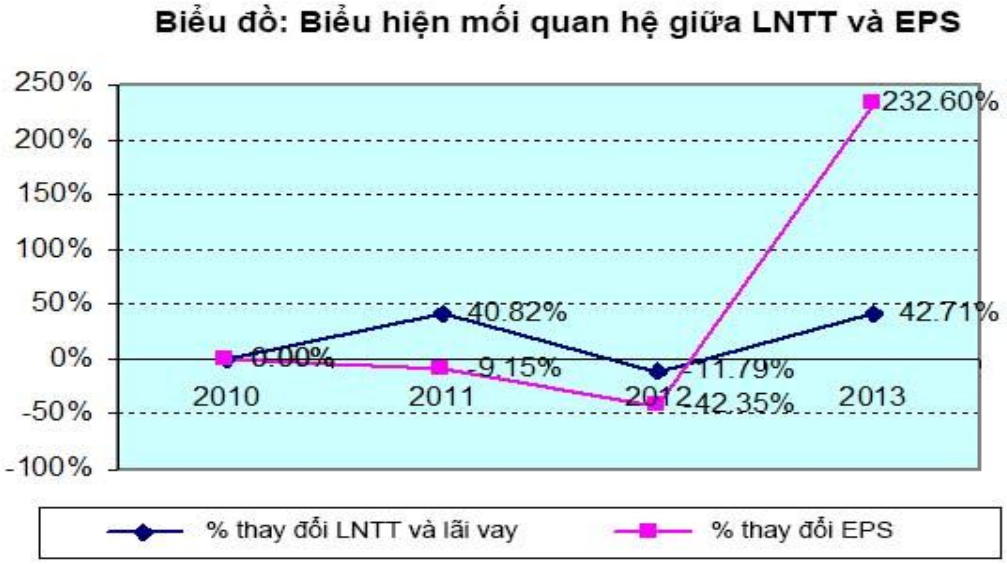

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Vốn góp đến ngày 31/12/2013 là **604.882.610.000** đồng.
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

+ Cổ phiếu thường: 60.488.261 cổ phiếu;
+ Cổ phiếu quỹ: 199.930 cổ phiếu;
+ Cổ phiếu ưu đãi: 0

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

+ Cổ phiếu thường: 60.488.261 cổ phiếu;
+ Cổ phiếu quỹ: 199.930 cổ phiếu;
+ Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu.

b. Cơ cấu cổ đông

- Cổ đông sáng lập, cổ đông nhà nước (EVNCPC): chiếm 39,09% vốn điều lệ (VĐL). Cụ thể:

STT	Cổ đông sáng lập, cổ đông nhà nước	Địa chỉ	Cổ phần phổ thông nắm giữ	
			Số lượng (cp)	Tỉ lệ (%)
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (EVN CPC) (chi tiết người đại diện nêu bên dưới)	393 Trưng Nữ Vương - Quận Hải châu, Tp. Đà Nẵng Giấy ĐKKD số: 206000153, thay đổi lần thứ 10, ngày 04/06/2007, cấp bởi Sở KH&ĐT Tp. Đà Nẵng	**236.450.000**	**39,09**
Cộng			**236.450.000**	**39,09**
Người đại diện cho EVN CPC:				
	Ông Nguyễn Thành	- 55 Tăng Bạt Hổ, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	14.632.110	24,19
	Ông Phạm Phong	- 42 Thái Phiên, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	5.407.790	8,94
	Ông Đinh Châu Hiếu Thiện	- K62/10 Núi Thành, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	3.605.100	5,96
Cộng			**236.450.000**	**39,09**

- Cổ đông khác: chiếm 60,58% (VĐL).
- Cổ phiếu quỹ: chiếm 0,33%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2013, Công ty đã tăng thêm vốn điều lệ là 104.882.610.000 đồng, trong đó:

- Tăng 24.882.610.000 đồng là trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5%/vốn điều lệ.
- Tăng 80.000.000.000 đồng là phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Tổng Công ty Điện lực Miền Trung.

Tại ngày 31/12/2013, vốn điều lệ của Công ty là **604.882.610.000** đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Số cổ phiếu quỹ hiện tại của Công ty là 199.970 Cổ phiếu. Trong năm 2013, Công ty không thực hiện giao dịch Cổ phiếu quỹ.

e. Chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu: nội dung như Mục II, khoản 1.

b. Công tác chính khác

- Lập báo cáo kiểm định an toàn đập nhà máy thủy điện Krông H'năng và Khe Diên, không thuê ngoài;
- Vận hành xả lũ tốt;
- Lập Bản đồ ngập chung cho hạ du sông Ba do UBND tỉnh Phú Yên giao cho đơn vị là Công ty Cổ phần thủy điện Sông Ba Hạ, Công ty Cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh và Công ty Cổ phần Sông Ba;
- Vận hành nhà máy thủy điện Krông H'năng theo Thị trường điện: Tốt, tăng doanh thu 23,2 tỷ đồng;
- Xử lý thiết bị: Nhanh, phù hợp với công tác phát điện.

c. Đánh giá hiệu quả hoạt động

- Tổng sản lượng điện, doanh thu 02 NMTĐ Khe Diên và Krông H'năng: 5 tháng đầu năm 2013 rất hạn hán, sản lượng 15,45 triệu kWh nên tổng sản lượng điện phát năm 2013 là 198,39 triệu kWh trên tổng sản lượng điện kế hoạch là 216,50 triệu kWh, hoàn thành 91,64%, không đạt kế hoạch. Doanh thu đạt 221,85 trên tổng doanh thu kế hoạch là 209,0 tỷ, hoàn thành đạt 106,15%, là nhờ thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị và vận hành tốt 02 nhà máy thủy điện Krông H'năng theo VCGM và Khe Diên theo Biểu giá chi phí tránh được.
- Công ty tập trung đầu tư vào công tác sáng kiến cải tiến, hợp lý hóa sản xuất, thực hiện các đề tài nghiên cứu ứng dụng vào sản xuất kinh doanh như: Lập báo cáo kiểm định an toàn đập thủy điện Krông H'năng và Khe Diên; tính toán, lập bản đồ ngập lụt hạ du nhà máy Krông H'năng; lập phương PCLL hạ du đập thủy điện Krông H'năng, Khe Diên, tiết kiệm được 2,7 tỷ đồng do không thuê ngoài, cơ cấu đo nước sai số 1 cm, vận hành lũ tốt, sửa chữa thiết bị nhanh gọn, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Ngoài ra còn thực hiện nhiều sáng kiến, cải tiến khác như: Thiết kế chế tạo hệ thống cảnh báo xả lũ, biết phân tích dự báo sản lượng điện và dòng tiền dài hạn để lập chiến lược hoạt động phù hợp.

Đây chính là sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ nhân viên trong các hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu 1.247 đ/CP: Đạt kết quả vượt mức kế hoạch.
- Đội ngũ CBCNV:

+ Lãnh đạo: Có tầm nhìn chiến lược, biết phân tích và quyết định những giải pháp tốt cho Công ty;

+ CNV: Nhiệt tình, sáng tạo và đang nâng dần tính chuyên nghiệp. Có niềm đam mê với công việc, có ước mơ phát triển.

- Công tác quản lý Công ty: Xây dựng và ban hành áp dụng hệ thống quy trình ISO 9001-2008, mọi công việc đều có kiểm soát, tiền lương thu nhập của CBCNV hưởng theo năng lực và hiệu quả công tác thực hiện.
- Sự tin tưởng của EVNCPC cao nên đã đầu tư thêm 50 tỷ đồng, giúp Công ty vượt qua thời điểm khó khăn nhất.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

	TÀI SẢN	31/12/2013	31/12/2012
A	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**112.998.774.904**	**39.515.235.001**
I	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**20.406.121.445**	**11.847.774.270**
II	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**88.918.817.145**	**24.630.458.730**
1	Phải thu khách hàng	78.123.593.325	11.354.100.508
2	Trả trước cho người bán	3.566.811.760	4.442.047.624
3	Các khoản phải thu khác	7.228.412.060	8.834.310.598
III	**Hàng tồn kho**	**1.584.833.825**	**445.304.010**
IV	**n ngắn hạn khác**	**2.089.002.489**	**2.591.697.991**
B	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**1.408.014.829.637**	**1.432.871.208.387**
I	**Tài sản cố định**	**1.401.508.135.086**	**1.427.846.396.767**
1	Tài sản cố định hữu hình	1.390.454.302.950	1.416.040.926.713
	- Nguyên giá	*1.589.264.329.420*	*1.575.038.476.523*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*(198.810.026.470)*	*(158.997.549.810)*
2	Tài sản cố định vô hình	5.287.437.580	5.348.830.914
	- Nguyên giá	*5.478.061.800*	*5.508.061.800*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*(190.624.220)*	*(159.230.886)*
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.766.394.556	6.456.639.140
II	**Tài sản dài hạn khác**	**6.506.694.551**	**5.024.811.620**
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**1.521.013.604.541**	**1.472.386.443.388**

- Đối các khoản phải thu khách hàng: 78,12 tỷ đồng, trong đó:

+ Thu EVNCPC tiền điện tháng 12: 6,71 tỷ đồng (hiện nay đã thu xong);

+ Thu EPTC tiền điện tháng 11&12: 71,3 tỷ đồng (hiện nay đã thu xong).

- Hàng tồn kho: 1,584 tỷ đồng. Trong đó: CPSXDD các dự án thuê: 0,9 tỷ đồng; CCDC, NVL: 0,684 tỷ đồng
- Nguyên giá TSCĐHH, trong đó:
  + Giá trị quyết toán XDCB tăng TSCĐHH NMTĐ Krông H'năng là 1.394,4 tỷ đồng;
  + TSCĐHH NMTĐ Khe Diên là 191,23 tỷ đồng.
  + Khấu hao: Trong năm 2013, BTC ban hành TT45 thay thế TT 203, nhưng Công ty đã làm việc và được BTC đồng ý cho SBA tiếp tục KHTSCĐ các NMTĐ theo sản lượng (VB số 13633/BTC-TCDN)

b. Tình hình nợ phải trả

	NỢ PHẢI TRẢ	31/12/2013	31/12/2012
I	**Nợ ngắn hạn**	**165.148.237.631**	**275.468.580.485**
1	Vay và nợ ngắn hạn	124.204.676.592	168.719.481.024
2	Phải trả cho người bán	10.701.974.576	43.605.812.301
3	Người mua trả tiền trước	822.112.800	64.745.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16.521.700.069	17.466.680.251
4	Phải trả người lao động	5.204.374.390	997.044.884
5	Chi phí phải trả	3.143.174.122	1.775.509.466
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.253.379.697	41.061.282.174
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.296.845.385	1.778.025.385
II	**Nợ dài hạn**	**672.953.807.992**	**659.829.267.816**
	TỔNG CỘNG	**838.102.045.623**	**935.297.848.301**

T

Tổng Nợ phải trả cuối năm 2013 của Công ty giảm 97,2 tỷ đồng so cuối năm 2012 chủ yếu do Công ty được EVNCPC góp thêm vốn và chuyển được khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (30 tỷ đồng) sang tăng vốn điều lệ của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đã trả được khoản nợ vay ngắn hạn của Công ty tài chính CP Điện lực 22 tỷ đồng và các khoản nợ gốc vay theo kế hoạch trong năm cho VCB Đà Nẵng, VDB Phú Yên.

- Các khoản nợ ngắn hạn đến cuối năm 2013 như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	USD	VND	USD	VND
Vay ngắn hạn		59.000.000.000		79.000.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực - CN ĐN		*-*		*22.000.000.000*
- Ngân hàng Ngoại thương CN Đà Nẵng		*59.000.000.000*		*57.000.000.000*
Nợ dài hạn đến hạn trả		65.204.676.592		89.719.481.024
- Ngân hàng Ngoại thương CN Đà Nẵng		*13.000.000.000*		*12.000.000.000*
- Ngân hàng Phát triển VN CN Phú Yên (VND)		*44.220.000.000*		*61.908.030.000*
- Ngân hàng Phát triển VN CN Phú Yên (USD)	*379.572,00 #*	*7.984.676.592*	*759.143,99 #*	*15.811.451.024*
Cộng		**124.204.676.592**		**168.719.481.024**

- Các khoản nợ dài hạn đến cuối năm 2013 như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	USD	VND	USD	VND
Vay dài hạn		672.953.807.992		659.829.267.816
- Ngân hàng Phát triển VN CN Phú Yên (VND)		*537.687.000.000*		*550.951.970.000*
- Ngân hàng Phát triển VN CN Phú Yên (USD)	*3.795.722 #*	*79.846.807.992*	*3.795.722 #*	*79.057.297.816*
- Ngân hàng Ngoại thương CN Đà Nẵng		*55.420.000.000*		*29.820.000.000*
Cộng		**672.953.807.992**		**659.829.267.816**

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Năm 2013, Công ty tiếp tục áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

- Nhằm từng bước nâng cao công tác quản lý, Công ty đang xây dựng bảng mô tả công việc và qua đó đánh giá hiệu quả đến từng cá nhân.

4. Kế hoạch trong năm 2014

➢ Một số nhiệm vụ chủ yếu:

- Dự kiến sản lượng, doanh thu và lợi nhuận năm 2014

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
1	**Sản lượng điện**	(Tr.kWh)	**235,00**	
	NM Khe Diên		38,00	
	NM Krông H'năng		197,00	
2	**Tổng doanh thu**	(tỷ đồng)	**235,34**	
	Doanh thu sản xuất điện		231,78	
	Doanh thu dịch vụ tư vấn		3,56	
3	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	(tỷ đồng)	**78,03**	
4	**Lãi cơ bản/cổ phiếu**	(đ/CP)	**1.290**	

- Công tác sửa chữa lớn

+ Trung tu Tổ máy H2 nhà máy thủy điện Krông H'năng;
+ Trung tu đường dây 35 kV nhà máy thủy điện Khe Diên.

- Công tác nghiên cứu, đầu tư

+ Thi công xây dựng đường vận hành VH2 vào nhà máy Krông H'năng: 06 tỷ đồng;
+ Tiếp tục thực hiện công tác trồng trả lại đến 100/175 ha rừng phục hồi theo quy định tại Báo cáo DTM của dự án Krông H'năng; 07 tỷ đồng;
+ Xây dựng Nhà làm việc Công ty Cổ phần Sông Ba tại khu đất 573 Núi Thành – TP. Đà Nẵng: 3,5 tỷ đồng;
+ Nghiên cứu dự án thủy điện Krông H'năng 2 (công suất 15MW): Nghiên cứu giải pháp đầu tư hiệu quả nhất, cổ đông không góp thêm vốn, mang lại dòng tiền tốt hơn cho những năm sau;
+ Tích thêm nước hồ Khe Diên: 01 tỷ đồng;
+ Cải tạo Hệ thống kích từ - điều khiển nhà máy thủy điện Khe Diên;
+ Báo cáo với Bộ Công Thương về Quy trình vận hành xả lũ hồ Krông H'năng;
+ Làm việc với UBND tỉnh Phú Yên về Đê chống ngập TP. Tuy Hòa.

- Dịch vụ tư vấn

+ Nhà máy thủy điện Hát Lìu: Hoàn thành công tác Giám sát, lắp đặt thiết bị nhà máy, đưa vào vận hành phát điện trong đầu quý 2/2014;
+ Nhà máy thủy điện A Roàng: Triển khai công tác giám sát lắp đặt thiết bị nhà máy theo kế hoạch của Hợp đồng đã ký kết.

- Công tác khác

+ Cơ cấu lại nợ vay dài hạn Công ty.
+ Cắm mốc đường viền lòng hồ.
+ Làm việc với Bộ TN&MT về Quy trình vận hành hồ Krông H'năng.
+ Công tác Phòng chống lụt bão năm 2014 tại các nhà máy.
+ Công tác đào tạo năm 2014:
+ Được xây dựng dựa trên yêu cầu công việc, có xét đến nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động trong việc tiếp cận, nghiên cứu và học tập nắm bắt thiết bị công nghệ mới.
+ Công tác ISO, 5S:
+ Cải tiến liên tục HTQLCL ISO 9001-2008; thực hành tốt KaiZen/5S để trở thành công cụ hiệu quả thiết thực trong các hoạt động Công ty.

- Giải pháp:

+ Công tác trung tu: Tự nghiên cứu thực hiện, thuê thí nghiệm.
+ Trồng rừng: Trồng theo đường viền lòng hồ đã đền bù và vùng bán ngập. Thuê dân địa phương trồng và quản lý.

+ Thủy điện Krông H'năng 2: Tự nghiên cứu toàn bộ và sẽ tự thực hiện, thuê giám sát, thẩm tra.
+ Tích thêm nước hồ Khe Diên: Nghiên cứu và tự thực hiện.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012: Không có

V. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Tổng Giám đốc

a. Công tác quản lý, điều hành

- Trong năm 2013, HĐQT đã chỉ đạo các hoạt động SXKD Công ty, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp thường kỳ để kiểm tra, xử lý hoạt động của Công ty, từng bước tháo gỡ khó khăn, ổn định tình hình sản xuất. HĐQT đã ban hành 11 Quyết định, 07 Nghị quyết và 01 văn bản để chỉ đạo thực hiện giải quyết công việc.

- HĐQT đã thực hiện công tác quản lý Công ty theo Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định của pháp luật. Một số nội dung quan trọng HĐQT đã thông qua như sau:

+ Phương án vay vốn bổ sung bù đắp phần vốn tự có đã tham gia vào dự án thủy điện Khe Diên;
+ Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Trung tâm Tư vấn và Kiểm định an toàn đập;
+ Bổ nhiệm Giám đốc và phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Trung tâm Tư vấn và Kiểm định an toàn đập;
+ Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật, Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Sông Ba;
+ Chốt danh sách cổ đông tham dự họp ĐHCĐ Công ty năm 2013;
+ Ủy quyền ký kết các hợp đồng cầm cố và thuế chấp QSDĐ và tài sản trên lô đất có địa chỉ 573 Núi Thành - TP.Đà Nẵng;
+ Bổ nhiệm lại chức danh Kế toán Trưởng, Giám đốc các Chi nhánh Nhà máy thủy điện Krông H'năng và Khe Diên;
+ Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 Công ty;
+ Phát hành riêng lẻ cổ phiếu SBA;
+ Niêm yết bổ sung cổ phiếu trả cổ tức cho Cổ đông tại Sở Giao dịch Chứng khoán T.P Hồ Chí Minh;
+ Đăng ký chào bán riêng lẻ 8.000.000 cổ phiếu SBA cho EVN CPC và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán T.P Hồ Chí Minh.
+ HĐQT thường xuyên tham dự các cuộc họp với CBNV Công ty như Sơ kết, tổng kết, Hội nghị người lao động,...

Đánh giá: *HĐQT đã đáp ứng tốt vai trò chỉ đạo các hoạt động SXKD Công ty trong năm 2013.*

b. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc Công ty

- Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ điều hành SXKD, báo cáo kịp thời các nội dung đề nghị và trình HĐQT Công ty xem xét, phê duyệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT.

- Báo cáo thực hiện định kỳ về tình hình SXKD, tình hình tài chính của Công ty. Các báo cáo hàng quý được Tổng Giám đốc Công ty báo cáo trong các cuộc họp HĐQT.

- Tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định về chế độ đối với người lao động trong Công ty như: BHXH, BHYT, BHTN,...; giải quyết trả lương theo cơ chế khoán 6,5% trên tổng doanh thu.

Đánh giá: *HĐQT đánh giá cao năng lực lãnh đạo điều hành của Tổng Giám đốc Công ty. Năm 2013 là năm có nhiều khó khăn do thời tiết không thuận lợi, đặt ra rất nhiều thách thức trong việc tìm kiếm các giải pháp về nguồn vốn để trả nợ vay ngân hàng VDB, VCB và trả nợ nhà thầu thi công hoàn thành công trình Krông H'năng,... nhưng Công ty đã rất chủ động, sáng tạo để giải quyết vượt qua khó khăn nhằm mang lại hiệu quả và ổn định cho Công ty, nâng giá cổ phiếu từ 5.700 lên trên 11.000 đ/CP như hiện nay.*

2. Định hướng chương trình hoạt động của HĐQT năm 2014

Mục tiêu của HĐQT năm 2014 là tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty bằng việc vận hành ổn định hiệu quả các nhà máy thủy điện Khe Diên và Krông H'năng, đảm bảo cổ tức năm 2014 đạt từ 10% trở lên. Đồng thời nghiên cứu tìm giải pháp tối ưu cho phương án để triển đầu tư dự án thủy điện Krông H'năng 2 bằng nguồn lực hiện có của Công ty. Với tình hình đó, HĐQT định hướng năm 2014 như sau:

- Cơ cấu lại nợ vay dài hạn Công ty;
- Tiếp tục làm việc với VDB để dãn thời gian vay từ năm 2015 ÷ 2018;
- Cắm mốc đường viền lòng hồ;
- Thi công đường vận hành VH2 Krông H'năng;
-Tiếp tục thực hiện trồng trả lại đến 100/175 ha rừng phục hồi theo quy định tại Báo cáo ĐTM của dự án Krông H'năng;

- Xây dựng Nhà làm việc Công ty Cổ phần Sông Ba tại khu đất 573 Núi Thành – TP. Đà Nẵng;
- Dự án thủy điện Krông H'năng 2 (công suất 15MW): Công ty sẽ nghiên cứu giải pháp đầu tư hiệu quả nhất, cổ đông không góp thêm vốn;
- Nghiên cứu, thực hiện phương án tích thêm nước hồ Khe Diên;
- Công tác ISO: Cải tiến liên tục hệ thống QLCL ISO 9001:2008; thực hành tốt KaiZen/5S để mang lại hiệu quả thiết thực trong các hoạt động Công ty.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị

Họ tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu (CP)			Ghi chú
		Cá nhân	Đại diện EVNCPC	Chiếm tỷ lệ (%)	
Thái Văn Thắng	Chủ tịch	84.000		0,14	(Từ ngày 01/02/2014, không còn là đại diện phần

					vốn của EVNCPC)
Nguyễn Trọng Bình	Phó chủ tịch	105.000		0,17	
Phạm Phong	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	312.175	5.407.790	9,46	
Đinh Châu Hiếu Thiện	Thành viên	12.600	3.605.100	5,98	
Nguyễn Thành	Thành viên	2.100	14.632.110	24,193	(Bổ nhiệm TV HĐQT từ ngày 28/02/2014 và đại diện phần vốn của EVNCPC)

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2013, các thành viên HĐQT đã tổ chức và tham dự đầy đủ 4 phiên họp thường. Đã ban hành các Nghị quyết và quyết định sau:

TT	Số Nghị quyết, quyết định	Ngày	Nội dung
1	Nghị Quyết 01/13/NQ-HĐQT	11/03/2013	Thông qua kết quả hoạt động SXKD quí 4, cả năm 2012, kế hoạch SXKD quí 1 và một số nội dung quan trọng năm 2013
2	Quyết định 02/13/QĐ-HĐQT	02/01/2013	Phê duyệt phương án vay vốn bổ sung bù đắp phần vốn tự có đã tham gia vào DATĐ Khe Diên
3	Quyết định 03/13/QĐ-HĐQT	12/03/2013	Thành lập Chi nhánh Trung tâm Tư vấn & Kiểm định An toàn Đập trực thuộc Công ty Cổ phần Sông Ba
4	Quyết định 04/13/QĐ-HĐQT	12/03/2013	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Trung tâm Tư vấn & Kiểm định An toàn Đập
5	Quyết định 05/13/QĐ-HĐQT	12/03/2013	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật Công ty Cổ phần Sông Ba
6	Nghị Quyết 06/13/NQ-HĐQT	08/05/2013	Thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2013
7	Nghị Quyết 07/13/NQ-HĐQT	14/05/2013	Ủy quyền ký kết các hợp đồng cầm cố và thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên lô đất có địa chỉ 573 Núi Thành, P. Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
8	Nghị Quyết 08/13/NQ-HĐQT	31/05/2013	Thông qua kết quả hoạt động SXKD quí 1, kế hoạch SXKD quí 2/2013 và công tác chuẩn bị tổ chức họp ĐHĐCĐ năm 2013 Công ty

9	Quyết định 11/13/QĐ-HĐQT	19/06/2013	Bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Ba
10	Quyết định 12/13/QĐ-HĐQT	19/06/2013	Bổ nhiệm lại Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba – NMTĐ Krông H'năng
11	Quyết định 14/13/QĐ-HĐQT	19/06/2013	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba – NMTĐ Khe Diên
12	Quyết định 15/13/QĐ-HĐQT	15/07/2013	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Sông Ba
13	Văn bản số 16/13/QĐ-HĐQT	17/07/2013	Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2013
14	Quyết định 18/13/QĐ-HĐQT	26/08/2013	Phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động của C.N Công ty Cổ phần Sông Ba - Trung tâm TV&KDATĐ
15	Quyết định 20/13/QĐ-HĐQT	16/09/2013	Niêm yết bổ sung cổ phiếu trả cổ tức cho Cổ đông tại Sở Giao dịch Chứng khoán T.P Hồ Chí Minh
16	Nghị quyết số 21/13/NQ-HĐQT	16/9/2013	Đăng ký chào bán riêng lẻ 8.000.000 cổ phiếu SBA cho EVN CPC
17	Quyết định 22/13/QĐ-HĐQT	25/10/2013	Niêm yết bổ sung 8.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ tại Sở Giao dịch Chứng khoán T.P Hồ Chí Minh

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Không có

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu (CP)		Ghi chú
		Cá nhân	Chiếm tỷ lệ (%)	
Nguyễn Thành Sơn	Trưởng ban	7.835	0,01	
Trần Quang Cần	Thành viên			
Trần Ngọc Tuấn	Thành viên	21.000	0,03	

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2013, các thành viên BKS đã tham dự đầy đủ 4 phiên họp kỳ của HĐQT và tổ chức 02 đợt kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát đã đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty như sau:

- Đối với công tác quản lý điều hành của HĐQT: Trong năm 2013, hoạt động của HĐQT được tiến hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp nhằm chỉ đạo Công ty thực hiện các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ năm 2013 đề ra. HĐQT Công ty đã đề ra và thực hiện tốt các chủ trương như: công tác đàm phán tăng giá bán điện, phương án đảo nợ vay nhằm giảm lãi vay và cơ cấu lại nợ vay, thành lập Trung tâm tư vấn & kiểm định an toàn đập,...Các cuộc họp của HĐQT đều được Thư ký Công ty ghi chép biên bản đầy đủ theo các nội dung đã thống nhất thông qua và được Công ty nghiêm túc triển khai thực hiện.

- Đối với Công tác quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc: Trong năm 2013, Tổng Giám đốc Công ty phụ trách cả phần việc của 02 vị trí PTGĐ phụ trách Kinh doanh và PTGĐ phụ trách Kỹ thuật do Công ty chưa tuyển dụng, bổ nhiệm được các vị trí PTGĐ nêu trên. Nhưng Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng phạm vi trách nhiệm và quyền hạn đã xác định tại Điều lệ Công ty, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Công ty; thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2013.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ĐVT: VND

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký	Lương và các khoản thưởng khác	Tổng thù lao, lương và các khoản thưởng khác
I	**Hội đồng quản trị**		**150.000.000**	**195.600.000**	**345.600.000**
1	Thái Văn Thắng	Chủ tịch	60.000.000	86.000.000	146.000.000
2	Nguyễn Trọng Bình	Phó chủ tịch	48.000.000	44.800.000	92.800.000
3	Đinh Châu Hiếu Thiện	Thành viên	42.000.000	64.800.000	106.800.000
II	**Ban Kiểm soát**		**114.000.000**	**272.010.068**	**386.010.068**
1	Nguyễn Thành Sơn	Trưởng ban	42.000.000	22.400.000	64.400.000
2	Trần Quang Cần	Thành viên	36.000.000	11.200.000	47.200.000
3	Trần Ngọc Tuấn	Thành viên – GĐ TTTV và KĐAT Đập	36.000.000	238.410.068	274.410.068
III	**Thư ký Công ty**		**36.000.000**	**242.028.200**	**278.028.200**
1	Nguyễn Thế Duy	Thư ký – TP.KTKH	36.000.000	242.028.200	278.028.200
IV	**Ban Tổng Giám đốc và CBQL Công ty**		**42.000.000**	**1.522.834.173**	**1.564.834.173**
1	Phạm Phong	UVHĐQT - Tổng Giám đốc	42.000.000	551.117.600	593.117.600
2	Đặng Ngọc Chương	Phó Tổng Giám đốc *(Miễn nhiệm ngày 01/4/13)*		92.516.000	92.516.000
3	Vũ Ngọc Bàng	Phó Tổng Giám đốc *(Miễn nhiệm ngày 27/7/13)*		134.338.261	134.338.261
4	Phạm Thái Hùng	Kế toán Trưởng		298.483.500	298.483.500

5	Trà Quang Hữu	Giám đốc NMTĐ Krông H'năng		249.819.308	249.819.308
6	Phan Minh Thạch	Giám đốc NMTĐ Khe Diên		196.559.504	196.559.504

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: *Không phát sinh*

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Thực hiện đúng quy định.

VI.Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 84/2014/BCKT-AAC *Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2014*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông Công ty Cổ phần Sông Ba

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20/02/2014 của Công ty Cổ phần Sông Ba (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyễn Trọng Hiếu
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ hành nghề số 0391-2013-010-1

Phan Thị Lan Trang
Kiểm toán viên
Chứng chỉ hành nghề số 1936-2013-010-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

❖ Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013

ĐVT: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**112.998.774.904**	**39.515.235.001**
I	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**		**20.406.121.445**	**11.847.774.270**
1	Tiền	111	5	14.406.121.445	11.847.774.270
2	Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	
II	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**			
III	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**88.918.817.145**	**24.630.458.730**
1	Phải thu khách hàng	131		78.123.593.325	11.354.100.508
2	Trả trước cho người bán	132		3.566.811.760	4.442.047.624
3	Các khoản phải thu khác	135	6	7.228.412.060	8.834.310.598
IV	**Hàng tồn kho**	**140**		**1.584.833.825**	**445.304.010**
1	Hàng tồn kho	141	7	1.584.833.825	445.304.010
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**2.089.002.489**	**2.591.697.991**
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	531.453.785	159.196.344
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		436.711.729	638.574.306
3	Tài sản ngắn hạn khác	158	9	1.120.836.975	1.793.927.341
B	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**1.408.014.829.637**	**1.432.871.208.387**
I	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**			
II	**Tài sản cố định**	**220**		**1.401.508.135.086**	**1.427.846.396.767**
1	Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.390.454.302.950	1.416.040.926.713
	- Nguyên giá	*222*		*1.589.264.329.420*	*1.575.038.476.523*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(198.810.026.470)*	*(158.997.549.810)*
2	Tài sản cố định vô hình	227	11	5.287.437.580	5.348.830.914
	- Nguyên giá	*228*		*5.478.061.800*	*5.508.061.800*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(190.624.220)*	*(159.230.886)*
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	5.766.394.556	6.456.639.140
III	**Bất động sản đầu tư**	**240**			
IV	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**			
V	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**6.506.694.551**	**5.024.811.620**
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	13	3.542.694.551	2.060.811.620
2	Tài sản dài hạn khác	268	14	2.964.000.000	2.964.000.000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1.521.013.604.541**	**1.472.386.443.388**

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**838.102.045.623**	**935.297.848.301**
I	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**165.148.237.631**	**275.468.580.485**
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	15	124.204.676.592	168.719.481.024
2	Phải trả cho người bán	312		10.701.974.576	43.605.812.301
3	Người mua trả tiền trước	313		822.112.800	64.745.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	16.521.700.069	17.466.680.251
4	Phải trả người lao động	315		5.204.374.390	997.044.884
5	Chi phí phải trả	316	17	3.143.174.122	1.775.509.466
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	3.253.379.697	41.061.282.174
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.296.845.385	1.778.025.385
II	**Nợ dài hạn**	**330**		**672.953.807.992**	**659.829.267.816**
1	Phải trả dài hạn người bán	331			
2	Vay và nợ dài hạn	334	19	672.953.807.992	659.829.267.816
B	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**682.911.558.918**	**537.088.595.087**
I	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**682.911.558.918**	**537.088.595.087**
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	604.882.610.000	500.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	20	(95.000.000)	
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413	20	4.394.685.584	4.394.685.584
4	Cổ phiếu quỹ	414	20	(1.588.920.333)	(1.588.920.333)
5	Quỹ đầu tư phát triển	417	20	3.272.258.348	3.515.558.348
6	Quỹ dự phòng tài chính	418	20	3.506.094.760	2.957.164.139
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	20	68.539.830.559	27.810.107.349
II	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**			
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.521.013.604.541**	**1.472.386.443.388**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2011
	Ngoại tệ các loại (USD)	904,82	930,68

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Phạm Phong	Phạm Thái Hùng	Trương Ngọc Hùng

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

❖ Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**21**	**222.149.308.401**	**168.733.021.314**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	222.149.308.401	168.733.021.314
4	Giá vốn hàng bán	11	22	75.134.864.375	69.123.363.127
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**147.014.444.026**	**99.609.658.187**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	633.427.699	247.394.392
7	Chi phí tài chính	22	24	70.762.279.406	72.384.788.841
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*64.262.122.863*	*72.335.631.925*
8	Chi phí bán hàng	24			
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.012.474.108	7.341.439.305
10	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**67.873.118.211**	**20.130.824.433**
11	Thu nhập khác	31	25	408.117.838	93.825.429
12	Chi phí khác	32	26	625.713.630	119.775.145
13	**Lợi nhuận khác**	**40**		**(217.595.792)**	**(25.949.716)**
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**	**27**	**67.655.522.419**	**20.104.874.717**
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	27	1.099.513.588	1.429.867.339
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**	**27**		
17	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**	**27**	**66.556.008.831**	**18.675.007.378**
18	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**28**	**1.247**	**375**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Phạm Phong	Phạm Thái Hùng	Trương Ngọc Hùng

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

❖ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013 (Theo phương pháp trực tiếp)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01	178.339.319.979	204.149.980.391
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(55.947.517.504)	(29.253.492.451)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(11.019.820.094)	(10.176.235.841)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	(63.763.700.974)	(73.253.659.148)
5	Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(1.168.270.288)	(2.066.698.702)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	51.003.235.799	36.020.912.134
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(7.090.249.879)	(4.850.482.555)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**90.352.997.039**	**120.570.323.828**
II	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(43.953.179.323)	(88.583.738.296)
2	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	262.003.888	247.394.392
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(43.691.175.435)**	**(88.336.343.904)**
III	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	1.905.000.000	
2	Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32		
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	98.364.000.000	57.000.000.000
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(130.717.639.818)	(71.906.465.645)
5	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.655.025.448)	(20.528.950.927)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(38.103.665.266)**	**(35.435.416.572)**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	**50**	**8.558.156.338**	**(3.201.436.648)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**11.847.774.270**	**15.049.252.581**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	190.837	(41.663)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**20.406.121.445**	**11.847.774.270**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Phạm Phong	Phạm Thái Hùng	Trương Ngọc Hùng

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

❖ Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2013

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sông Ba (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba thành Công ty Cổ phần (Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba được thành lập theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung) và Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400439955 ngày 04/07/2007 (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/01/2014). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SBA. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 01/06/2010.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế các công trình thủy điện có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV. Tư vấn giám sát xây dựng, quản lý dự án các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện. Tư vấn kiểm định, giám định chất lượng đập và công trình xây dựng thủy điện; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật (giao thông, hạ tầng cấp nước sinh hoạt nông thôn). Tư vấn điều tra, thu thập, tính toán, dự báo về khí tượng, thủy văn các giai đoạn xây dựng công trình; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, hồ nuôi trồng thủy sản, công trình bảo vệ bờ sông, bờ biển; Tư vấn giám định chất lượng các loại công trình xây dựng. Khảo sát trắc địa công trình;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện. Xây dựng các công trình thủy điện có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV. Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy thủy điện; Xây dựng các công trình xây dựng vừa và nhỏ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác khoáng sản;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Tư vấn đào tạo nghề (quản lý, vận hành nhà máy thủy điện);
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn giải pháp về môi trường, tái định canh, tái định cư;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị cơ điện;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu chế tạo phần cơ khí, phần điện thuộc nhà máy thủy điện; Chuyển giao công nghệ về kỹ thuật xây dựng, thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê đất, nhà xưởng, kho bãi.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá được xử lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng

ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc năm tài chính. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 50
Máy móc, thiết bị	6 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

Trong đó, thời gian khấu hao của các TSCĐ thuộc Nhà máy thủy điện Krông H'năng áp dụng tại Công ty dài hơn so với thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Việc điều chỉnh này đã được Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng phê duyệt tại Quyết định số 293/QĐ-STC ngày 29 tháng 06 năm 2011. Theo đó, thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	15

Để đảm bảo việc khấu hao phù hợp với tình hình sử dụng thực tế và tính chất mùa vụ của sản xuất thủy điện, riêng các TSCĐ sử dụng trực tiếp tại Nhà máy thủy điện Khe Diên và Nhà máy thủy điện Krông H'năng được khấu hao theo phương pháp sản lượng. Cụ thể:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Thời gian khấu hao của TSCĐ theo đăng ký với Cơ quan thuế} \times \text{Công suất thiết kế trung bình mỗi năm}} \times \text{Sản lượng điện thực tế đã phát trong năm}$$

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

+ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	5

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.11 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị

ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán điện thương phẩm.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.
  - Đối với Nhà máy thủy điện Khe Diên: được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm tiếp theo cho đầu tư mở rộng mang lại. Năm 2007 là năm đầu tiên Nhà máy Thủy điện Khe Diên có thu nhập chịu thuế. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2007 đến năm 2009 và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2014.

    Những ưu đãi trên đây được quy định trong Giấy chứng nhận Ưu đãi đầu tư số 24/CN-UB ngày 29 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam.
  - Đối với Nhà máy thủy điện Krông H'năng: được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp. Năm 2010 là năm đầu tiên Nhà máy Thủy điện Krông H'năng có thu nhập chịu thuế. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2013 và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014 đến năm 2020.

    Những ưu đãi trên đây được quy định trong Giấy chứng nhận Ưu đãi đầu tư số 1034/CN-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Phú Yên.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gởi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	220.031.031	1.209.841.570
Tiền gởi ngân hàng	14.186.090.414	10.637.932.700
Các khoản tương đương tiền (cho vay 1 tháng)	6.000.000.000	-
Cộng	**20.406.121.445**	**11.847.774.270**

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền trồng rừng cho CTTĐ K'rông H'năng	6.497.794.823	8.085.217.178
Nguyễn Thế Duy (lãi cho vay)	371.423.811	-
Các khoản phải thu khác	359.193.426	749.093.420
Cộng	**7.228.412.060**	**8.834.310.598**

7. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	291.451.467	302.552.597
Công cụ, dụng cụ	390.390.000	26.640.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	902.992.358	116.111.413
Cộng	**1.584.833.825**	**445.304.010**

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí đồng phục 2014	110.999.167	-
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	42.000.000	-
Chi phí bảo hiểm	180.397.478	159.196.344
Chi phí kiểm tra, sửa chữa máy móc	198.057.140	-
Cộng	**531.453.785**	**159.196.344**

9. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng	1.120.836.975	1.793.927.341
Cộng	**1.120.836.975**	**1.793.927.341**

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.156.258.474.518	414.555.308.998	3.443.367.636	781.325.371	1.575.038.476.523
Mua sắm trong năm	-	376.296.912	-	113.830.000	490.126.912
Đ/tư XDCB h/thành	9.765.340.382	5.127.274.200	-	-	14.892.614.582
Phân loại lại	(218.736.379)	218.736.379	-	-	-
Giảm theo TT 45	-	206.039.609	399.378.356	494.319.432	1.099.737.397
T/lý, nhượng bán	-	-	-	57.151.200	57.151.200
Số cuối năm	**1.165.805.078.521**	**420.071.576.880**	**3.043.989.280**	**343.684.739**	**1.589.264.329.420**
Khấu hao					
Số đầu năm	78.285.291.450	77.636.391.815	2.361.537.944	714.328.601	158.997.549.810
Khấu hao trong năm	20.110.490.120	20.322.706.970	292.169.510	35.573.108	40.760.939.708
Giảm theo TT 45	-	70.133.355	367.972.719	453.205.774	891.311.848
T/lý, nhượng bán	-	-	-	57.151.200	57.151.200
Số cuối năm	**98.395.781.570**	**97.888.965.430**	**2.285.734.735**	**239.544.735**	**198.810.026.470**
Giá trị còn lại					-
Số đầu năm	1.077.973.183.068	336.918.917.183	1.081.829.692	66.996.770	1.416.040.926.713
Số cuối năm	**1.067.409.296.951**	**322.182.611.450**	**758.254.545**	**104.140.004**	**1.390.454.302.950**

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2013: 1.389.166.508.920 đồng.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013: 1.488.242.993 đồng.

Căn cứ theo quyết định số 293/QĐ – STC ngày 29/06/2011 của Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng về việc "Phê duyệt phương án thay đổi thời gian sử dụng tài sản cố định", Công ty đã thực hiện việc điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích của phần lớn các tài sản cố định thuộc Nhà máy thủy điện Krông H'năng kể từ năm 2011. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã thực hiện việc thay đổi phương pháp tính khấu hao (từ phương pháp khấu hao đường thẳng qua phương pháp theo sản lượng) đối với các tài sản tham gia trực tiếp sản xuất điện năng và đã gởi công văn thông báo cho Cục thuế (số 223/11/S3-TC ngày 09/06/2011) nhưng cho đến nay vẫn chưa có ý kiến trả lời bằng văn bản của Cục thuế Thành phố Đà Nẵng.

Ngày 25/04/2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Theo đó tại khoản c, điểm 2, điều 13 quy định một trong các điều kiện áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, khối lượng sản phẩm là công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 100% công suất thiết kế. Ngày 31/07/2013, SBA đã có Công văn số 279/13/S3-TCKT

gởi đến Bộ Tài chính đề nghị cho ý kiến hướng dẫn về việc áp dụng đúng quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC vào thực tế hoạt động của Công ty. Ngày 14/10/2013, Bộ Tài chính đã có Công văn số 13633/BTC-TCDN đồng ý cho Công ty Cổ phần Sông Ba tiếp tục trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao theo sản lượng, khối lượng sản phẩm đối với các TSCĐ trực tiếp tham gia sản xuất điện năng mà Công ty đã đăng ký với Cục thuế Thành phố Đà Nẵng trong trường hợp không đạt 100% công suất thiết kế với điều kiện phải đảm bảo cân đối đủ nguồn trả nợ vay đầu tư của các tổ chức tín dụng và thời gian trích khấu hao không được vượt quá tuổi thọ kỹ thuật của tài sản.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.175.261.800	332.800.000	5.508.061.800
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm theo TT 45	-	30.000.000	30.000.000
Số cuối năm	**5.175.261.800**	**302.800.000**	**5.478.061.800**
Khấu hao			
Số đầu năm	-	159.230.886	159.230.886
Khấu hao trong năm	-	61.393.334	61.393.334
Giảm theo TT 45	-	30.000.000	30.000.000
Số cuối năm	**-**	**190.624.220**	**190.624.220**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.175.261.800	173.569.114	5.348.830.914
Số cuối năm	**5.175.261.800**	**112.175.780**	**5.287.437.580**

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại 573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Quyền sử dụng đất này đang được thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (trình bày tại Thuyết minh số 19).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Mua sắm TSCĐ	-	656.040.776
Chi phí xây dựng NMTĐ Krông H'năng 2 (*)	1.291.509.910	1.291.509.910
Chi phí xây dựng NMTĐ Sông Tranh 1 (*)	4.399.763.851	4.399.763.851
Chi phí xây dựng NMTĐ Khe Diên	23.360.795	70.324.603
Văn phòng Công ty - Nhà điều hành	39.000.000	39.000.000
Chi phí khác	12.760.000	-
Cộng	**5.766.394.556**	**6.456.639.140**

(*) Dự án NMTĐ Krông H'năng 2 có tổng mức đầu tư là 407.915.000.000 đồng và dự án NMTĐ Sông Tranh 1 có tổng mức đầu tư là 552.646.106.000 đồng. Hai dự án trên đang hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ Công thương phê duyệt để điều chỉnh quy hoạch.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	-	42.000.000
Chi phí CCDC cần phân bổ	291.255.319	154.713.114
Chi phí trồng cây NMTĐ Krông H'Năng	25.375.297	15.000.000
Phần mềm Windown, office và bravo	103.065.000	-
Chi phí trung tu năm 2011	141.440.281	725.853.568
Chi phí phát sinh sau quyết toán CTTĐ Khe Diên	500.867.711	837.439.763
Chi phí vật tư thí nghiệm	128.158.864	179.080.000
Chi phí XD biển báo	12.533.125	26.205.625
Chi phí sửa chữa nhà làm việc	38.509.350	80.519.550
Chi phí sửa chữa CTTĐ Khe Diên	1.348.372.236	-
Chi phí sửa chữa CTTĐ Krông H'năng	687.297.070	-
Chi phí sửa chữa máy biến áp	265.820.298	-
Cộng	**3.542.694.551**	**2.060.811.620**

14. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.964.000.000	2.964.000.000
Cộng	**2.964.000.000**	**2.964.000.000**

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013		31/12/2012	
	USD	VND	USD	VND
Vay ngắn hạn		59.000.000.000		79.000.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực - CN ĐN		*-*		*22.000.000.000*
- Ngân hàng Ngoại thương CN Đà Nẵng		*59.000.000.000*		*57.000.000.000*
Nợ dài hạn đến hạn trả		65.204.676.592		89.719.481.024
- Ngân hàng Ngoại thương CN Đà Nẵng		*13.000.000.000*		*12.000.000.000*
- Ngân hàng Phát triển VN CN Phú Yên (VND)		*44.220.000.000*		*61.908.030.000*
- Ngân hàng Phát triển VN CN Phú Yên (USD)	*379.572,00 #*	*7.984.676.592*	*759.143,99 #*	*15.811.451.024*
Cộng		**124.204.676.592**		**168.719.481.024**

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.978.669.812	6.353.068.623
Thuế thu nhập doanh nghiệp	192.382.925	261.139.625
Thuế thu nhập cá nhân	101.416.003	-
Thuế tài nguyên	2.204.182.640	1.133.508.043
Phí dịch vụ môi trường rừng	8.045.048.689	9.718.963.960
Cộng	**16.521.700.069**	**17.466.680.251**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Lãi vay phải trả	2.228.849.333	1.730.427.444
Trích trước chi phí DA Kon Đào	45.082.022	45.082.022
Chi phí thuê chuyên gia vận hành theo thị trường điện VCGM năm 2013 NMTĐ Krông H'năng	700.000.000	-
Chi phí đào tạo công nhân vận hành NMTĐ Hát Lìu	33.105.581	-
Chi phí xây dựng hạng mục NMTĐ Krông H'năng	136.137.186	-
Cộng	**3.143.174.122**	**1.775.509.466**

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty CP Bảo hiểm Toàn Cầu - CN Đà Nẵng	-	135.245.000
Cty CP TMDV Quang Minh (tạm thu tiền bồi thường)	1.100.000.000	1.100.000.000
Cổ tức phải trả	2.060.125.764	9.699.242.215
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	-	30.000.000.000
Phải trả khác	93.253.933	126.794.959
Cộng	**3.253.379.697**	**41.061.282.174**

19. Vay và nợ dài hạn

	USD	31/12/2013 VND	USD	31/12/2012 VND
Vay dài hạn		672.953.807.992		659.829.267.816
- Ngân hàng Phát triển VN CN Phú Yên (VND)		*537.687.000.000*		*550.951.970.000*
- Ngân hàng Phát triển VN CN Phú Yên (USD)	*3.795.722 #*	*79.846.807.992*	*3.795.722 #*	*79.057.297.816*
- Ngân hàng Ngoại thương CN Đà Nẵng		*55.420.000.000*		*29.820.000.000*
Cộng		**672.953.807.992**		**659.829.267.816**

- Tại ngày 19/07/2006, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 01/2006/HĐTD với hạn mức tối đa 109.800.000.000 VND, thời hạn vay 144 tháng, thời gian ân hạn 31 tháng. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng trong vòng 113 tháng bắt đầu từ tháng 7 năm 2009. Khoản vay chịu lãi suất trong hạn là 7,8%/năm, lãi suất quá hạn 11,7%/năm.
- Ngày 22/08/2008, Công ty ký hợp đồng điều chỉnh lãi suất. Theo đó, với số vốn giải ngân từ ngày 01/07/2008 trở đi: Lãi suất nợ trong hạn là 8,4%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 12,6%/năm. Riêng số vốn giải ngân trước ngày 01/07/2008: Lãi suất nợ trong hạn là 7,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 11,7%/năm.
- Tại ngày 11/01/2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/HĐTD (bằng tiền VND và USD). Thời hạn vay 128 tháng từ tháng 4/2008, ân hạn 21 tháng. Khoản vay này sẽ được trả thành nhiều lần trong vòng 107 tháng kể từ tháng 01 năm 2010.

✓Với khoản vay bằng VND: Hạn mức tín dụng là 683.000.000.000 VND và chịu lãi suất trong hạn là 8,4%/năm, 12,6%/năm đối với lãi suất quá hạn.

✓Ngày 05/06/2009, Công ty ký hợp đồng điều chỉnh lãi suất. Theo đó số vốn giải ngân từ ngày 12/02/2009 trở đi: Lãi suất nợ trong hạn là 6,9%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 10,35%/năm. Số vốn giải ngân trước ngày 12/02/2009: Lãi suất nợ trong hạn là 8,4%/năm,

lãi suất nợ quá hạn là 12,6%/năm.

✓Đối với khoản vay bằng USD: Hạn mức tín dụng là 6.832.298 USD. Lãi suất trong hạn là 6,9%/năm, 10,35%/năm đối với lãi suất quá hạn.

Ngày 28/06/2013, hai bên đã ký hợp đồng số 06/2013/ĐC-HĐTD sửa đổi lịch trả nợ và mức trả nợ trong từng kỳ hạn của hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/HĐTD.

Mục đích của khoản vay 2 hợp đồng này dùng để đầu tư xây dựng dự án thủy điện Krông H'năng. Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay.

Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo 2 hợp đồng vay vốn tín dụng:

- Tại ngày 04/01/2005, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 563/NHNT-ĐN với hạn mức 130.000.000.000 VND (bao gồm VND và USD quy đổi tương đương), thời hạn vay 132 tháng. Khoản vay này sẽ được trả từ ngày Nhà máy Thủy điện Khe Diên bắt đầu hoạt động đến tháng thứ 132 tính từ ngày giải ngân đầu tiên.

✓Khoản vay bằng VND chịu lãi suất trong hạn theo thông báo của Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng;

✓Khoản vay bằng USD chịu lãi suất bằng SIBOR (6 tháng) + 2,5%/năm.

Mục đích của khoản vay để đầu tư xây dựng dự án thủy điện Khe Diên. Khoản vay được bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ 3 - Công ty Điện lực 3 và Công ty Xây lắp điện 3 và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án.

Ngày 14/05/2008, Công ty ký hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam cho khoản vay tín dụng 130 tỷ VND với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng . Theo đó, Ngân hàng sẽ cấp cho Công ty số tiền hỗ trợ sau đầu tư dự kiến tối đa là 20.523.965.000 VND và 28.351 USD trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến năm 2016. Số tiền hỗ trợ hàng năm được cấp dựa theo số tiền thực tế Công ty trả nợ cho tổ chức tín dụng đủ điều kiện được hỗ trợ và trong phạm vi kế hoạch hỗ trợ sau đầu tư của năm được Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam thông báo.

- Tại ngày 07/02/2013, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 34/2013/VCB-KHDN với hạn mức 50.000.000.000 VND, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng và được điều chỉnh 1quý/1lần.

Mục đích của khoản vay để bù đắp vốn tự có của Công ty. Khoản vay được bão lãnh bằng quyền sử dụng đất lâu dài tại 573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

20. Vốn chủ sở hữu

a.Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*) VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển (**) VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LNST chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2012	**500.000.000.000**	**-**	**3.114.278.556**	**(1.588.920.333)**	**1.915.049.563**	**1.356.655.354**	**40.117.068.354**
Tăng trong năm	-	-	1.280.407.028	-	1.600.508.785	1.600.508.785	18.675.007.378
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	30.981.968.383
Số dư tại 31/12/2012	**500.000.000.000**	**-**	**4.394.685.584**	**(1.588.920.333)**	**3.515.558.348**	**2.957.164.139**	**27.810.107.349**
Số dư tại 01/01/2013	**500.000.000.000**	**-**	**4.394.685.584**	**(1.588.920.333)**	**3.515.558.348**	**2.957.164.139**	**27.810.107.349**
Tăng trong năm	104.882.610.000	-	-	-	-	548.930.621	66.556.008.831
Giảm trong năm	-	95.000.000	-	-	243.300.000	-	25.826.285.621
Số dư tại 31/12/2013	**604.882.610.000**	**(95.000.000)**	**4.394.685.584**	**(1.588.920.333)**	**3.272.258.348**	**3.506.094.760**	**68.539.830.559**

(*) Trong tổng số vốn 104.882.610.000 đồng tăng năm 2013 có:

+ 24.882.610.000 đồng là tăng do trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5%/vốn điều lệ.

+ 80.000.000.000 đồng là tăng do phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Trong đó, Tổng Công ty Điện lực Miền Trung đã ứng trước vốn 78.000.000.000 đồng cho Công ty trước ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ (26/06/2013).

(**) Công ty sử dụng quỹ Đầu tư phát triển để thanh toán chi phí học lớp "Nâng cao năng lực quản trị" dành cho cán bộ quản lý cấp trung theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 05/12/BB-HĐQT ngày 06/11/2012.

b.Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	236.450.000.000	149.000.000.000
Các cổ đông khác	366.433.310.000	349.000.700.000
Mệnh giá của cổ phiếu quỹ	1.999.300.000	1.999.300.000
Cộng	**604.882.610.000**	**500.000.000.000**

c.Cổ phiếu

	31/12/2013 Cổ phiếu	31/12/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	60.488.261	50.000.000
- Cổ phiếu thường	*60.488.261*	*50.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	199.930	199.930
- Cổ phiếu thường	*199.930*	*199.930*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.288.331	49.800.070
- Cổ phiếu thường	*60.288.331*	*49.800.070*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	27.810.107.349	40.117.068.354
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	66.556.008.831	18.675.007.378
Phân phối lợi nhuận (*)	25.826.285.621	30.981.968.383
+ Phân phối lợi nhuận năm trước	25.826.285.621	30.981.968.383
- Quỹ dự trữ bổ sung	-	*1.280.407.028*
- Quỹ đầu tư phát triển	-	*1.600.508.785*
- Quỹ dự phòng tài chính	*548.930.621*	*1.600.508.785*
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	*1.280.407.028*
- Quỹ thưởng Ban điều hành	-	*320.101.757*
- Chi trả cổ tức	*24.900.035.000*	*24.900.035.000*
- Thù lao HĐQT & BKS	*377.320.000*	-
+ Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	**68.539.830.559**	**27.810.107.349**

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2013.

21. Doanh thu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng doanh thu	222.149.308.401	168.733.021.314
+ Doanh thu bán điện	*221.881.039.311*	*166.765.581.586*
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	*268.269.090*	*1.967.439.728*
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**222.149.308.401**	**168.733.021.314**

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn bán điện	74.876.655.375	67.186.252.534
Giá vốn cung cấp dịch vụ	258.209.000	1.937.110.593
Cộng	**75.134.864.375**	**69.123.363.127**

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	633.427.699	247.394.392
Cộng	**633.427.699**	**247.394.392**

24. Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	64.262.122.863	72.335.631.925
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	2.591.945.790	-
Chi phí sử dụng vốn	1.360.931.507	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	94.914.410	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	868.270.315	49.156.916
Lãi chậm thanh toán cổ tức	1.584.094.521	-
Cộng	**70.762.279.406**	**72.384.788.841**

25. Thu nhập khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu sử dụng điện NM K'rông H'năng	111.089.040	89.720.560
Thu tiền bồi thường bảo hiểm ngầm đá líp NMTĐ Khe Diên	273.960.052	-
Thu nhập khác	23.068.746	4.104.869
Cộng	**408.117.838**	**93.825.429**

26. Chi phí khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí tiền điện NM K'rông H'năng	111.016.819	89.720.560
Phí quản lý niêm yết	45.000.000	25.000.000
Chi phí sửa chữa ngầm đá líp NMTĐ KD	273.960.052	-
Chi phí khác	195.736.759	5.054.585
Cộng	**625.713.630**	**119.775.145**

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.655.522.419	20.104.874.717
- Hoạt động chính của NM Thủy điện Khe Diên	*7.379.022.797*	*16.263.872.528*
- Hoạt động chính của NM Thủy điện K'rông H'năng	*59.805.759.372*	*3.834.727.526*
- Hoạt động chính của Trung tâm Tư vấn	*(89.472.075)*	-
- Hoạt động chính của Văn phòng Công ty	*560.212.325*	*6.274.663*
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	2.058.864.432	40.054.584
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý, hợp lệ)	2.058.864.432	40.054.584
+ Nhà máy Thủy điện Khe Diên	*14.296.770*	*10.920.000*
+ Nhà máy Thủy điện Krông H'năng	*1.948.384.068*	*2.135.000*
+ Trung tâm Tư vấn	*530.620*	-
+ Văn phòng Công ty	*95.652.974*	*26.999.584*
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	69.714.386.851	20.144.929.301
- Thu nhập từ hoạt động của NM Thủy điện Khe Diên (@)	*7.393.319.567*	*16.274.792.528*
- Thu nhập từ hoạt động của NM Thủy điện Krông H'năng	*61.754.143.440*	*3.836.862.526*
- Thu nhập từ hoạt động của Trung tâm Tư vấn	*(88.941.455)*	-
- Thu nhập từ hoạt động của Văn phòng Công ty	*655.865.299*	*33.274.247*
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định	17.428.596.712	5.036.232.326
+ Nhà máy Thủy điện Khe Diên	*1.826.094.528*	*4.068.698.132*
+ Nhà máy Thủy điện Krông H'năng	*15.438.535.860*	*959.215.632*
+ Văn phòng Công ty	*163.966.324*	*8.318.562*
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	16.351.583.124	2.993.564.698
+ Nhà máy Thủy điện Khe Diên (50%)	*913.047.264*	*2.034.349.066*
+ Nhà máy Thủy điện Krông H'năng (100%)	*15.438.535.860*	*959.215.632*
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo TT 140/BTC	-	612.800.289
+ Nhà máy Thủy điện Khe Diên	-	*610.304.720*
+ Văn phòng Công ty	-	*2.495.569*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.099.513.588	1.429.867.339
+ Nhà máy Thủy điện Khe Diên	*913.047.264*	*1.424.044.346*
+ Văn phòng Công ty	*163.966.324*	*5.822.993*
+ Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	*22.500.000*	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**66.556.008.831**	**18.675.007.378**

(@) Bù trừ với thu nhập chịu thuế của Trung tâm tư vấn & Kiểm định an toàn đập.

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	66.556.008.831	18.675.007.378
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	66.556.008.831	18.675.007.378
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	53.362.304	49.800.070
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.247**	**375**

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.118.598.206	4.368.010.909
Chi phí nhân công	14.625.560.622	9.173.587.286
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.822.333.042	40.201.243.508
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.706.533.988	16.949.004.963
Chi phí khác bằng tiền	23.486.497.051	5.772.955.766
Cộng	**86.759.522.909**	**76.464.802.432**

30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất điện năng và hai bộ phận địa lý chính là Tỉnh Phú Yên và Tỉnh Đăk Lăk.

31. Công cụ tài chính

a.Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b.Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch vay nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản

Giá trị ghi sổ của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

		31/12/2013	31/12/2012
Tài sản tài chính		**904,82**	**930,68**
- Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	904,82	930,68
Nợ tài chính		**4.175.294,00**	**4.554.865,99**
- Vay và nợ ngắn hạn	USD	379.572,00	759.143,99
- Vay và nợ dài hạn	USD	3.795.722,00	3.795.722,00

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá mua của nguyên vật liệu. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung và Công ty mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Với đặc thù kinh doanh mua bán điện tại Việt Nam, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,…

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VND

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	124.204.676.592	672.953.807.992	797.158.484.584
Phải trả người bán	10.701.974.576	-	10.701.974.576
Chi phí phải trả	3.143.174.122	-	3.143.174.122
Phải trả khác	3.253.379.697	-	3.253.379.697
Cộng	**141.303.204.987**	**672.953.807.992**	**814.257.012.979**

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	168.719.481.024	659.829.267.816	828.548.748.840
Phải trả người bán	43.605.812.301	-	43.605.812.301
Chi phí phải trả	1.775.509.466	-	1.775.509.466
Phải trả khác	41.061.282.174	-	41.061.282.174
Cộng	**255.162.084.965**	**659.829.267.816**	**914.991.352.781**

Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức rất cao nhưng Công ty tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.406.121.445	-	20.406.121.445
Phải thu khách hàng	78.123.593.325	-	78.123.593.325
Phải thu khác	7.228.412.060	-	7.228.412.060
Tài sản tài chính khác	-	2.964.000.000	2.964.000.000
Cộng	**105.758.126.830**	**2.964.000.000**	**108.722.126.830**

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.847.774.270	-	11.847.774.270
Phải thu khách hàng	11.354.100.508	-	11.354.100.508
Phải thu khác	8.834.310.598	-	8.834.310.598
Tài sản tài chính khác	-	2.964.000.000	2.964.000.000
Cộng	**32.036.185.376**	**2.964.000.000**	**35.000.185.376**

32. Các bên liên quan

a.Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty là Tổng công ty Điện lực Miền Trung, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

b.Nghiệp vụ với các bên có liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Doanh thu bán điện	33.259.588.190	38.741.175.390
	Cổ tức phải trả	7.450.000.000	7.450.000.000
	Tạm ứng vốn	48.000.000.000	30.000.000.000
	Góp vốn	2.000.000.000	-
Công ty mua bán điện	Doanh thu bán điện	188.593.256.033	128.024.406.196
Hội đồng quản trị	Thù lao	192.000.000	227.320.000
Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	1.089.634.606	1.164.372.939

c.Số dư với các bên có liên quan

Bên liên quan	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	6.711.186.988	2.849.234.795
Công ty mua bán điện	71.295.513.657	8.360.433.789
Phải trả		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	-	37.450.000.000

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính

34. Số liệu so sánh

Là số liệu trên BCTC của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/20112 đã được kiểm toán bởi AAC.

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA

PHẠM PHONG